

Số: 113 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 6 năm 2017

## **BÁO CÁO**

**Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm,  
nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2017**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 5063
ĐẾN	Ngày: 07/06/17
	Chuyên: .....

### **Phần thứ nhất**

## **TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG, AN NINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017**

Để tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh xác định chủ đề trọng tâm năm 2017 là “Đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và khởi nghiệp”; xây dựng Kế hoạch thực hiện Kết luận số 217-KL/TU ngày 05/12/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 6 (khóa XIX) về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2017, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp năm 2017; ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 và Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 24/02/2017 về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong cải cách thủ tục hành chính.

Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm 2017 đạt được một số kết quả như sau:

### **A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

#### **I. Lĩnh vực kinh tế**

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng đầu năm 2017 tăng 1,25%<sup>1</sup> so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,47%; khu vực công nghiệp - xây dựng giảm 3,43%; khu vực dịch vụ tăng 7,39%.

Tổng giá trị sản xuất ước đạt 69.142,6 tỷ đồng, bằng 95,5% so với cùng kỳ năm trước, đạt 48,4% kế hoạch năm. (Theo kế hoạch giao từ đầu năm tại Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh, tổng giá trị sản xuất năm 2017 bằng 96,4% so với ước thực hiện năm 2016 thì GRDP năm 2017 sẽ tăng 1% so với năm 2016).

#### **1. Về sản xuất công nghiệp**

Giá trị sản xuất khu vực công nghiệp - xây dựng 6 tháng đầu năm ước đạt 52.629,07 tỷ đồng, giảm 7,7% so cùng kỳ năm trước, đạt 48,5% kế hoạch năm.

<sup>1</sup> Trong đó, giá trị gia tăng (VA) của 03 khu vực (Nông, lâm nghiệp và thủy sản, Công nghiệp - Xây dựng, Dịch vụ) tăng 0,92%; thuế sản phẩm (trừ trợ cấp) tăng 2,85% nên kéo theo GRDP tăng 1,25%.

Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 49.355,55 tỷ đồng<sup>2</sup>, giảm 8,4%<sup>3</sup> so với cùng kỳ năm trước, đạt 49,6% kế hoạch năm (giá trị sản xuất công nghiệp ngoài dầu đạt 10.445,7 tỷ đồng, tăng 11,2% so cùng kỳ 2016, đạt 47,2% kế hoạch năm).

Một số sản phẩm công nghiệp dự kiến tăng khá so với cùng kỳ năm trước như: thủy sản, quần áo may sẵn, gạch xây, phân bón, bánh kẹo các loại, rượu trắng, sữa các loại, dăm gỗ nguyên liệu giấy, điện sản xuất. Riêng sản lượng lọc hóa dầu ước đạt 2.970.216 tấn, giảm 12,5% so với cùng kỳ 2016, đạt 50,3% kế hoạch năm.

Đẩy nhanh tiến độ và phân đầu hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng bàn giao cho Tập đoàn dầu khí để nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu cuối tháng 6/2017; bàn giao mặt bằng<sup>4</sup> và triển khai đầu tư Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất. Tổ chức bảo dưỡng tổng thể Nhà máy lọc hóa dầu Dung Quất lần 3.

## **2. Về thương mại, dịch vụ và giá cả thị trường**

Giá trị sản xuất khu vực dịch vụ 6 tháng đầu năm ước đạt 9.660,4 tỷ đồng, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước, đạt 47,5% kế hoạch năm.

*Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng* 6 tháng đầu năm ước đạt 22.695,4 tỷ đồng<sup>5</sup>, tăng 12,32% so với cùng kỳ năm 2016 và đạt 49,44% kế hoạch năm.

*Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)* tháng 5/2017 tăng 0,03% so với tháng trước; tăng 6,74% so với cùng kỳ năm trước và giảm 0,04% so với tháng 12/2016, bình quân 5 tháng tăng 7,52% so với cùng kỳ năm trước.

*Kim ngạch xuất khẩu* ước đạt 218,89 triệu USD, tăng 21,3% so với cùng kỳ 2016, đạt 63,4% kế hoạch năm. Hầu hết các sản phẩm chủ yếu xuất khẩu tăng mạnh, như: thủy sản tăng 39%, tinh bột mì tăng 36,4%, đồ gỗ tăng 98,2%, sản phẩm cơ khí tăng 61,2%, dầu FO tăng 104,8% và sợi bông tăng 19,3%...

*Kim ngạch nhập khẩu* ước đạt 239,16 triệu USD, tăng 120,3% so với cùng kỳ 2016, đạt 82,5% kế hoạch năm. Nguyên nhân tăng mạnh là do sản lượng dầu thô nhập khẩu tăng 334,6%<sup>6</sup>, máy móc phụ tùng thay thế tăng 59,7% và bông các loại tăng 55,1%.

*Hoạt động vận tải (không kể vận tải đường sắt)*: Tiếp tục tăng trưởng ổn định, chất lượng được nâng lên. Doanh thu vận tải và các dịch vụ vận tải 6 tháng đầu năm ước đạt 1.341,5 tỷ đồng tỷ đồng<sup>7</sup>, tăng 11,48% so với cùng kỳ 2016.

<sup>2</sup>Trong đó, kinh tế Nhà nước đạt 40.663,56 tỷ đồng, giảm 11,0% so với cùng kỳ năm 2016; kinh tế ngoài nhà nước đạt 7.141,84 tỷ đồng, tăng 16,1%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.550,15 tỷ đồng, tăng 3,6%.

<sup>3</sup> Giảm mạnh do Nhà máy lọc dầu Dung Quất bảo dưỡng tổng thể lần 3, kéo dài 52 ngày (5/6-23/7/2017).

<sup>4</sup> Đã bàn giao 333,9ha/372,7 ha (89,58% tổng diện tích).

<sup>5</sup> Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xét theo ngành hoạt động thì hoạt động thương nghiệp đạt 16.815,91 tỷ đồng, tăng 11,25%; hoạt động lưu trú đạt 139,57 tỷ đồng, tăng 22,69%; hoạt động ăn uống đạt 4.193,68 tỷ đồng, tăng 15,68%; hoạt động du lịch lữ hành đạt 3,94 tỷ đồng, tăng 16,02%; hoạt động dịch vụ đạt 1.542,32 tỷ đồng, tăng 13,53%.

<sup>6</sup> Năm 2016, dầu thô nhập thấp do lượng dự trữ còn nhiều.

<sup>7</sup> Trong đó, doanh thu vận tải hành khách đạt 401,29 tỷ đồng, tăng 17,48%; vận tải hàng hóa đạt 659,75 tỷ đồng,

*Tín dụng ngân hàng:* Nguồn vốn của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tăng trưởng khá. Tổng nguồn vốn huy động ước đạt 42.000 tỷ đồng, tăng 9,16% so với cuối năm 2016, chủ yếu là nguồn vốn huy động tại chỗ.

Tổng dư nợ ước đạt 37.000 tỷ đồng<sup>8</sup>, tăng 7,95% so với cuối năm 2016. Tỷ lệ nợ xấu ước khoảng 3,61% tổng dư nợ. Lãi suất cho vay hỗ trợ doanh nghiệp đến cuối tháng 6/2017 giảm bình quân 0,5% so với cuối năm 2016. Đối với chương trình cho vay theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, các chi nhánh ngân hàng thương mại đã ký hợp đồng tín dụng 41 tàu, cam kết cho vay 329,4 tỷ đồng; đến nay, đã giải ngân 260,3 tỷ đồng.

### **3. Về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

*Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản* 6 tháng đầu năm ước đạt 6.853,12 tỷ đồng<sup>9</sup>, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước, đạt 49,6% kế hoạch năm.

- *Về trồng trọt:* Sản lượng lương thực vụ Đông Xuân ước đạt 254.874 tấn, tăng 8,1% (19.060 tấn)<sup>10</sup> so cùng kỳ năm trước, đạt 51,95% kế hoạch năm. Trong đó, lúa vụ Đông Xuân gieo sạ được 38.872 ha, giảm 0,6% (218 ha)<sup>11</sup> so với vụ Đông Xuân năm 2016; năng suất ước đạt 58,7 tạ/ha, tăng 5,1 tạ/ha<sup>12</sup>; sản lượng ước đạt 228.150 tấn, tăng 9,0% (18.793 tấn). Diện tích ngô đạt 4.677,6 ha, tăng 0,9% (42,2 ha); năng suất ước đạt 57,1 tạ/ha, xấp xỉ năm 2016; sản lượng ước đạt 26.723 tấn, tăng 1,0% (266 tấn).

Diện tích rau đạt 6.319,7 ha, tăng 2,8% (173,7 ha) so với cùng kỳ 2016; năng suất ước đạt 158,8 tạ/ha, tăng 3,4 tạ/ha; sản lượng ước đạt 100.326 tấn, tăng 5,1% (4.845 tấn). Diện tích các loại đậu đạt 1.650,7 ha, giảm 3,3% (56 ha); năng suất ước đạt 20,2 tạ/ha; sản lượng ước đạt 3.342 tấn, giảm 2,8% (97 tấn).

Một số cây công nghiệp: Diện tích lạc đạt 4.087,5 ha, tăng 2,4% so với vụ Đông Xuân 2016, năng suất ước đạt 21,5 tạ/ha giảm 5,3% (1,2 tạ/ha); sản lượng 8.790 tấn, giảm 3,2%. Diện tích mía đã thu hoạch đạt 2.613 ha, giảm 16,7% (526 ha)<sup>13</sup>; năng suất ước đạt 533,9 tạ/ha, giảm 1,7% (9,2 tạ/ha); sản lượng 139.500 tấn, giảm 18,7% (30.968 tấn). Diện tích mỳ đạt 19.318 ha; đã thu hoạch 9.318 ha, năng suất ước đạt 232,3 tạ/ha, sản lượng 216.405 tấn.

Trong vụ Đông Xuân 2016-2017 đã triển khai xây dựng 59 cánh đồng mẫu lớn với quy mô diện tích 1.453,9 ha, tăng 31 cánh đồng (690 ha) so với kế hoạch; năng suất bình quân 66,8 tạ/ha, cao hơn từ 0,3 tạ/ha đến 2,8 tạ/ha<sup>14</sup> so

---

tăng 10,93%; kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 280,48 tỷ đồng, tăng 5,05%.

<sup>8</sup> Trong đó, cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn ước đạt 14.000 tỷ đồng (chiếm 37,83% tổng dư nợ) tăng 36,29%; cho vay xuất khẩu ước đạt 1.000 tỷ đồng (chiếm 2,7%) tăng 27,55%; cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa ước đạt 7.000 tỷ đồng (chiếm 18,91%) tăng 4,1%.

<sup>9</sup> Trong đó, GTSX nông nghiệp đạt 3.923,05 tỷ đồng, tăng 2,2%; lâm nghiệp đạt 409,38 tỷ đồng, tăng 6,0%; thủy sản đạt 2.520,69 tỷ đồng, tăng 6,9%.

<sup>10</sup> Diện tích giảm nhưng nhờ năng suất lúa tăng nên sản lượng lương thực tăng so với vụ Đông Xuân 2016.

<sup>11</sup> Nguyên nhân diện tích giảm: Thời tiết mưa lạnh kéo dài làm cho một số chân ruộng trũng bị ngập nước không gieo sạ được; do thu hồi đất phục vụ cho việc quy hoạch xây dựng đường giao thông, công trình công cộng,...

<sup>12</sup> Đây là mức tăng cao, tuy nhiên nguyên nhân là do vụ đông xuân năm 2016 bị mất mùa (có năng suất thấp nhất kể từ năm 2012); so với vụ Đông Xuân năm 2015, mức năng suất này chỉ đạt xấp xỉ.

<sup>13</sup> Nguyên nhân là do giá mía cây luôn biến động, việc chăm sóc, thu hoạch chưa được áp dụng cơ giới hóa nên tốn nhiều chi phí nhân công, nhất là khâu thu hoạch, nên người nông dân ngại trồng mía.

<sup>14</sup> Riêng huyện Đức Phổ cao hơn 7,7 tạ/ha.

với năng suất lúa đại trà. Tổng diện tích chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây khác trong năm là 627 ha<sup>15</sup>, tăng 192,9 ha so với kế hoạch.

- *Về chăn nuôi*: Tình hình chăn nuôi gặp khó khăn do giá thu mua giảm sút, nhất là chăn nuôi heo, bò<sup>16</sup>. Theo kết quả điều tra thời điểm ngày 01/4/2017, đàn trâu toàn tỉnh đạt 68.551 con, tăng 2,4% so với cùng thời điểm năm 2016; đàn bò đạt 277.521 con, giảm 1,1%; đàn lợn đạt 422.067 con, giảm 7,6%; đàn gia cầm đạt 4.721,6 ngàn con, tăng 6,8%.

Dịch bệnh cúm gia cầm A/H5N6 xảy ra ở 05 xã các huyện Đức Phổ, Bình Sơn và thành phố Quảng Ngãi; làm chết và tiêu hủy 25.760 con<sup>17</sup>. Nhìn chung, từ cuối năm 2016 đến nay, các loại dịch bệnh thông thường phát sinh cục bộ, đã được bao vây dập tắt không để lây lan diện rộng.

- *Về lâm nghiệp*: Ước tính 6 tháng đầu năm, diện tích trồng rừng tập trung đạt 4.386 ha, tăng 10,0% (487,33 ha) với cùng kỳ năm 2016. Sản lượng gỗ khai thác rừng trồng ước đạt 428.314 ngàn m<sup>3</sup>, tăng 1,3%. Phát hiện 121 vụ vi phạm quy định quản lý bảo vệ rừng; xảy ra 11 vụ phá rừng với diện tích rừng bị phá hại 6,27 ha<sup>18</sup>, chủ yếu phá rừng trồng cây công nghiệp; xảy ra 01 vụ cháy rừng trồng keo (0,06 ha).

- *Thủy sản*: Sản lượng thủy sản ước đạt 85.233 tấn, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 44,6% kế hoạch năm. Trong đó, thủy sản khai thác ước đạt 83.036 tấn, tăng 3,7% so cùng kỳ<sup>19</sup> và bằng 45% kế hoạch năm; sản lượng nuôi trồng đạt 2.197 tấn, giảm 13,9% so cùng kỳ và bằng 33,0% kế hoạch năm; trong đó, sản lượng tôm nuôi đạt 1.539 tấn, giảm 4,6% so với cùng kỳ và bằng 34,2% kế hoạch. Dịch bệnh thủy sản xảy ra cục bộ ở một số địa phương: tôm nuôi ở Bình Sơn, hào Thái Bình Dương ở Đức Phổ, cá cam ở Lý Sơn<sup>20</sup>.

Thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, lũy kế đến nay đã có 81 hồ sơ chủ tàu đóng mới<sup>21</sup>. Hoàn thành đưa vào khai thác 39/44 tàu đóng mới. Tổng công suất tàu thuyền đạt 1.267.333 CV, tăng 13,2% (147.674 CV)<sup>22</sup>.

#### **4. Về Chương trình xây dựng nông thôn mới**

Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020; quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cấp xã và khen thưởng công trình phúc lợi cho huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn

<sup>15</sup> Ngô 127 ha, lạc 92,7 ha, rau các loại 313,6 ha, đậu các loại 19,0 ha,...

<sup>16</sup> Giá thịt lợn hơi giảm nhưng giá thịt trên thị trường không giảm, nên mức độ tiêu thụ không tăng.

<sup>17</sup> Nguyên nhân: do vi rút cúm gia cầm A/H5N6 tái phát trên các ổ dịch cũ và trên đàn gia cầm chưa được tiêm phòng; đã tiến hành tiêu hủy và tiêu độc khử trùng toàn bộ khu vực trại gà, vịt đúng theo quy định.

<sup>18</sup> Diện tích rừng bị phá: rừng phòng hộ 2,18 ha, rừng sản xuất 4,09 ha.

<sup>19</sup> Nhờ tăng năng lực đánh bắt theo xu hướng giảm tàu công suất nhỏ, tăng tàu công suất lớn.

<sup>20</sup> Có 0,35 ha diện tích nuôi tôm ở huyện Bình Sơn bị bệnh (khoảng 20 vạn con); hào Thái Bình Dương chết hàng loạt ở xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ; cá cam chết hơn 4.000 con ở Lý Sơn.

<sup>21</sup> Trong đó: 27 tàu cá vỏ thép, 07 tàu cá vỏ composite, 47 tàu cá vỏ gỗ.

<sup>22</sup> Theo số liệu điều tra thủy sản ngày 01/5/2017, toàn tỉnh có 5.192 chiếc tàu đánh bắt thủy sản có động cơ, giảm 2,6% (136 chiếc) so với cùng thời điểm năm 2016.

mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020.

Trong 6 tháng đầu năm, đã bố trí kế hoạch vốn đầu tư cho Chương trình xây dựng nông thôn mới là 258 tỷ đồng<sup>23</sup>. Ngoài ra, việc thực hiện xây dựng nông thôn mới còn lồng ghép từ các nguồn vốn khác như: Chương trình 135, Chương trình 30a, vốn ngân sách địa phương... Dự kiến đến 30/6/2017, có 24 xã đạt chuẩn nông thôn mới<sup>24</sup>; bình quân đạt 11,4 tiêu chí/xã, tăng 0,93 tiêu chí/xã so với cuối năm 2016; số xã dưới 5 tiêu chí: 25 xã.

### **5. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển đô thị**

Quyết định công nhận thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa đạt tiêu chuẩn đô thị loại V. Tỉnh tiếp tục bố trí vốn để đầu tư nhiều dự án lớn trên địa bàn tỉnh như: Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (đoạn Dung Quất - Mỹ Khê); nâng cấp mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa; cầu Thạch Bích; đường Chu Văn An và khu dân cư; khu dân cư phía Nam đường Hai Bà Trưng, thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 1); khu dân cư phía Bắc đường Huỳnh Thúc Khánh; Kè và khu dân cư sông Vệ; Khu dân cư Tịnh Kỳ (giai đoạn 2); Khu dân cư Kỳ Xuyên, thành phố Quảng Ngãi; đường kè Bắc sông Trà Bồng (đoạn hạ lưu cầu Châu Ô; các dự án tuyến đường trung tâm lý huyện Sơn Tịnh mới, đường trung tâm huyện Sơn Tây...

Bên cạnh nguồn vốn đầu tư hạ tầng đô thị từ nguồn vốn ngân sách, tỉnh tăng cường thu hút đầu tư các khu dân cư, khu đô thị; từng bước hình thành các khu dân cư mới trên địa bàn như: Khu đô thị - dịch vụ VSIP, Khu đô thị Ngọc Bảo Viên;... Tỉnh cũng đã chấp thuận chủ trương đầu tư đối với 04 khu dân cư<sup>25</sup>; chấp thuận chủ trương khảo sát, lập quy hoạch và đầu tư đối với 04 dự án<sup>26</sup> khu dân cư trên địa bàn các huyện và thành phố.

### **6. Phát triển Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp**

*Khu kinh tế Dung Quất:* Từ đầu năm đến nay, đã cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 08 dự án, với tổng vốn đăng ký hơn 62.526,8 tỷ đồng (tương đương 2,81 tỷ USD), trong đó, có 02 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 100 triệu USD<sup>27</sup> và 06 dự án đầu tư trong nước (60.180,37 tỷ đồng)<sup>28</sup>; thực hiện điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 01 dự án<sup>29</sup>; thu hồi giấy chứng nhận

<sup>23</sup> Trong đó, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 138 tỷ đồng; ngân sách tỉnh là 120 tỷ đồng (95 tỷ đồng Chương trình xây dựng nông thôn mới và 25 tỷ đồng Chương trình nước sạch VSMT (đã nhập vào Chương trình xây dựng nông thôn mới theo quy định)).

<sup>24</sup> Đạt thấp so với bình quân của cả nước: Xã đạt chuẩn nông thôn mới 14,6% (cả nước 30%), số tiêu chí bình quân/xã 11,4 tiêu chí (cả nước khoảng 14), số xã dưới 5 tiêu chí còn nhiều.

<sup>25</sup> Dự án Khu dân cư Phước Thịnh; Khu dân cư Đông Phương, xã Nghĩa Hà, TP Quảng Ngãi; Khu dân cư Kè Bắc sông Trà Bồng, huyện Bình Sơn; Khu dân cư phía Đông - Nam Cụm công nghiệp thị trấn Ba Tư.

<sup>26</sup> Dự án Khu dân cư IVB3 kết hợp chỉnh trang đô thị, TP Quảng Ngãi; Khu dân cư Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa; Khu dân cư Quảng Trường, thị trấn Mộ Đức; Khu dân cư An Kỳ Xuyên, xã Tịnh Kỳ, TP Quảng Ngãi.

<sup>27</sup> (1) NM sản xuất vải Zigui Jisheng - Wangsheng Dung Quất (10,0 triệu USD); (2) NM tách và hóa lỏng khí công nghiệp của CT TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng (90,0 triệu USD).

<sup>28</sup> (1) Khu liên hợp sản xuất gang thép Hoà Phát Dung Quất (60.000 tỷ đồng); (2) Nhà máy sản xuất, bảo dưỡng công trình dầu khí và công nghiệp nặng (40 tỷ đồng); (3) Xưởng cơ khí Thượng Hải Dung Quất (20 tỷ đồng); (4) Khu dịch vụ AIOS Dung Quất (69,5 tỷ đồng); (5) Nhà máy cơ khí T-T-T (42,875 tỷ đồng); (6) Xưởng đóng và sửa chữa tàu thuyền Võ Nhuận (8,0 tỷ đồng).

<sup>29</sup> NM sản xuất sợi và vải Xindadong Textiles - Dung Quất tăng vốn từ 38 triệu USD lên 95 triệu USD.

đầu tư 03 dự án<sup>30</sup>; vốn thực hiện ước đạt 1.078,97 tỷ đồng.

Lũy kế trên địa bàn Khu kinh tế đến nay có 140 dự án còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 10,31 tỷ USD, trong đó, có 92 dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Riêng Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP có 14 dự án đã cấp giấy chứng nhận đầu tư, trong đó có 6 dự án đã đi vào hoạt động<sup>31</sup>.

Năm 2017, tổng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trên địa bàn KKT Dung Quất là 133,5 tỷ đồng, trong đó, bố trí một số dự án như: Dự án thành phần II đoạn Bình Long - cảng Dung Quất (giai đoạn 2); xây dựng đường giao thông trục chính nội Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường; đường Trì Bình - Cảng Dung Quất (giai đoạn 1); các tuyến đường trục vào KCN nặng Dung Quất phía Đông; kè chống sạt lở kết hợp đường cứu hộ, cứu nạn di dân, tái định cư, neo đậu tàu thuyền - đập Cà Ninh hạ lưu sông Trà Bồng; Gia cố nền trên phần diện tích còn lại tại mặt bằng giai đoạn 2 của Nhà máy Doosan;...

Tập trung chỉ đạo giải quyết các vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trong KKT Dung Quất và hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai các dự án, đặc biệt là các dự án lớn như: Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất; nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Khu đô thị công nghiệp Dung Quất; Khu Công nghiệp-Đô thị-Dịch vụ VSIP...

*KCN Quảng Phú và Tịnh Phong*: Từ đầu năm đến nay, cấp giấy chứng nhận cho 01 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 43,43 tỷ đồng<sup>32</sup>; điều chỉnh chủ đầu tư cho 02 dự án<sup>33</sup>; thu hồi 02 dự án với vốn đăng ký 47,67 tỷ đồng<sup>34</sup>; vốn thực hiện ước đạt 137,84 tỷ đồng, chủ yếu từ các dự án đầu tư trong nước.

Lũy kế đến nay tại 02 Khu Công nghiệp có 99 dự án đã cấp giấy chứng nhận đầu tư còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 308,7 triệu USD, trong đó có 82 dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

## **7. Thu, chi ngân sách**

Tổng thu cân đối ngân sách trên địa bàn ước khoảng 7.985 tỷ đồng, giảm 12,6% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 66,0% dự toán năm, trong đó, thu nội địa ước đạt 7.585 tỷ đồng, đạt 66,1%; thu hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 400 tỷ đồng, đạt 64,5% dự toán năm.

Nguồn thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương chiếm chủ yếu trong

---

<sup>30</sup> (1) NM sản xuất vải Jiangsu AB - Xinxin Dung Quất (30 triệu USD); (2) Dự án giáo dục Hoàng Gia (225 tỷ đồng); (3) NM sửa chữa bảo dưỡng thiết bị dầu khí của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Sao Đại Hùng (30 tỷ đồng).

<sup>31</sup> (1) Dự án Nhà máy sản xuất bánh kẹo và nước giải khát URC CENTRAL Dung Quất; (2) Nhà máy sản xuất và gia công giấy KING RICHES - Dung Quất; (3) Nhà máy sản xuất sợi và vải Xindadong Textiles - Dung Quất; (4) Dự án sửa chữa, bảo dưỡng và sản xuất thiết bị công nghiệp Boilermaster - Dung Quất; (5) Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa và cho thuê các thiết bị công nghiệp UMW - Dung Quất; (6) Công ty Khu công nghiệp, đầu tư và dịch vụ VSIP Quảng Ngãi của Công ty liên doanh TNHH KCN Việt Nam - Singapore.

<sup>32</sup> Trạm nạp cung cấp khí gas của Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Quảng Ngãi.

<sup>33</sup> (1) Xí nghiệp bê tông thương phẩm và các sản phẩm bằng xi măng của Công ty Cổ phần xây dựng Đô thị và KCN (điều chỉnh tăng 11,44 tỷ đồng); (2) Nhà máy sản xuất bao bì carton cao cấp của Công ty Cổ phần PQ Vina.

<sup>34</sup> (1) NM xuất gạch không nung và dịch vụ cho thuê nhà xưởng của CT TNHH Đầu tư sản xuất Tân Mỹ Phát (40,87 tỷ đồng); (2) Trung tâm thương mại và dịch vụ Mạnh Hùng của CT TNHH Mạnh Hùng (6,8 tỷ đồng).

tổng thu cân đối ngân sách trên địa bàn, khoảng 5.845 tỷ đồng, giảm 14,1%<sup>35</sup> so với cùng kỳ năm 2016, đạt 76,0% dự toán năm; trong đó thu chủ yếu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất 5.260 tỷ đồng, giảm 16%, đạt 79,7% dự toán năm.

Tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 4.156 tỷ đồng, tăng 40,8% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 37% dự toán năm; trong đó, chi đầu tư phát triển là 1.152 tỷ đồng, đạt 32,3%; chi thường xuyên là 3.005 tỷ đồng, đạt 40,2% dự toán năm.

## **8. Vốn đầu tư phát triển**

Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2017 ước đạt 8.920,8 tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ 2016; trong đó, khu vực dân cư ước đạt 2.470 tỷ đồng.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách của tỉnh năm 2017<sup>36</sup> là 3.178,075 tỷ đồng. Trong đó, vốn cân đối ngân sách địa phương 2.395,33 tỷ đồng (chưa bao gồm vốn bội chi ngân sách địa phương 371,3 tỷ đồng); vốn Chương trình mục tiêu ngân sách Trung ương 334,54 tỷ; vốn Chương trình mục tiêu quốc gia 359,612 tỷ đồng và vốn ODA 88,593 tỷ đồng. Đến nay, UBND tỉnh đã hoàn thành việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương và vốn Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia từ ngân sách Trung ương đến các đơn vị để triển khai thực hiện.

Ước tính đến ngày 30/6/2017, giải ngân đạt khoảng 1.141,69 tỷ đồng, bằng 35,42% kế hoạch<sup>37</sup>.

## **9. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; khuyến khích đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp**

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo mạnh mẽ công tác cải thiện môi trường tư, kinh doanh; thường xuyên tổ chức tiếp xúc, gỡ gỡ doanh nghiệp thông qua mô hình “cà phê doanh nhân” định kỳ hàng tháng; đối thoại doanh nghiệp về thuế, hải quan...; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong cải cách thủ tục hành chính, nhất là đối với các nhà đầu tư, doanh nghiệp nhằm rút ngắn thời gian, giảm thủ tục, giảm phiền hà, qua đó đạt được một số kết quả đáng ghi nhận: giảm thời gian đăng ký thành lập doanh nghiệp còn 2 ngày làm việc; giảm thời gian ban hành quyết định chủ trương đầu tư từ 35 ngày giảm còn 24 ngày...

Tổ chức các khóa học chia sẻ kinh nghiệm và hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc, giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp; các lớp khởi sự doanh nghiệp, ươm mầm khởi nghiệp; từng bước thành lập “Vườn ươm khởi nghiệp”... Tỉnh cũng tổ chức Hội nghị phân tích, đánh giá kết quả PCI năm 2016, đề ra nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong thời gian tới. Khởi động cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp” trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức Đoàn công tác tham quan, học hỏi kinh nghiệm tổ chức Khu nông

<sup>35</sup> Do Nhà máy lọc hóa dầu Dung Quất phải thực hiện công tác bảo dưỡng tổng thể lần 3.

<sup>36</sup> Kế hoạch giao tại Quyết định số 685a/QĐ-UBND ngày 16/12/2016

<sup>37</sup> Trong đó, nguồn cân đối ngân sách địa phương ước đạt 34,7%; nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương ước đạt 56,51%, vốn CTMTQG ước đạt 11,65%, vốn ODA ước đạt 56,44%, vốn quỹ đất ước đạt 17,42%, vốn XSKT ước đạt 51,57%

nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại tỉnh Hà Nam; Đoàn công tác xúc tiến đầu tư tại các nước: Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc.

*Hoạt động xúc tiến đầu tư:* Chủ động gặp gỡ, tiếp xúc các nhà đầu tư tiềm năng có tiềm lực mạnh; phối hợp với Công ty VSIP, doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh hạ tầng và một số doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư; hoàn thành clip giới thiệu quảng bá, thu hút đầu tư vào tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm, đã tiếp xúc, hỗ trợ kịp thời cho hơn 60 nhà đầu tư, trong đó tiếp nhận, hỗ trợ thủ tục đầu tư cho một số dự án thuộc các lĩnh vực như: y tế, giáo dục, chế biến gỗ, khu nghỉ dưỡng, khu dân cư...

*Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài (FDI):* Trong 6 tháng đầu năm cấp mới 02 giấy chứng nhận đầu tư<sup>38</sup>, với tổng vốn đăng ký 100 triệu USD; điều chỉnh 01 dự án; thu hồi 01 dự án<sup>39</sup> với tổng vốn đăng ký 30 triệu USD; vốn thực hiện ước đạt 20,0 triệu USD<sup>40</sup>, giảm 34,6% so với cùng kỳ năm 2016.

Toàn tỉnh hiện có 42 dự án FDI còn hiệu lực<sup>41</sup>, tổng vốn đăng ký 1.235,41 triệu USD; vốn thực hiện lũy kế 689 triệu USD (đạt 55,8% vốn đăng ký). Trong đó, có 26 dự án hoàn thành và đi vào sản xuất kinh doanh<sup>42</sup>; 14 dự án đang triển khai các hoạt động đầu tư, 02 dự án tạm dừng.

*Tình hình đầu tư trong nước:* Cấp chủ trương đầu tư cho 19 dự án, tăng 6 dự án so với cùng kỳ năm 2016, tổng số vốn đăng ký 62.556,94 tỷ đồng<sup>43</sup>; thu hồi 08 dự án<sup>44</sup> với vốn đăng ký 1.091,73 tỷ đồng; vốn thực hiện ước đạt 796,3 tỷ đồng<sup>45</sup>; hoàn thành và đưa vào hoạt động 05 dự án.

Lũy kế đến 30/6/2017, trên toàn tỉnh có 347 dự án còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký khoảng 216.325,47 tỷ đồng<sup>46</sup>, vốn thực hiện lũy kế đạt 91.524 tỷ đồng (đạt 42,31% vốn đăng ký); có 222 dự án<sup>47</sup> đã đi vào hoạt động.

## **10. Công tác quản lý, đăng ký doanh nghiệp**

Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới từ đầu năm đến ngày 30/5/2017 là 321 doanh nghiệp<sup>48</sup>, tăng 13,02% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký 11.791 tỷ đồng, tăng gấp 18,56 lần; có 77 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, giảm 16,3%; có 33 doanh nghiệp giải thể tự nguyện, tăng

<sup>38</sup> (1) Nhà máy sản xuất vải Zigui Jisheng - Wangsheng Dung Quất (10,0 triệu USD); (2) Nhà máy tách và hóa lỏng khí công nghiệp của Công ty TNHH Khí công nghiệp Messer Hải Phòng (90,0 triệu USD).

<sup>39</sup> Nhà máy sản xuất vải Jiangsu AB - Xinxin Dung Quất (xuất phát từ lý do của nhà đầu tư: Để cho Công ty khác thuộc tập Đoàn JIANSU có trên thị trường chứng khoán Trung Quốc sang đầu tư tại Việt Nam).

<sup>40</sup> Tập trung vào một số dự án như: Khu Công nghiệp – Dịch vụ và đô thị VSIP – giai đoạn 1A, Nhà máy sản xuất giày Proper - Dung Quất, Nhà máy sản xuất sợi và vải Xindadong Textiles - Dung Quất...

<sup>41</sup> KKT Dung Quất: 31 dự án, tổng vốn đăng ký 1.086,93 triệu USD; các KCN tỉnh: 7 dự án, tổng vốn đăng ký 66,08 triệu USD; ngoài các Khu: 04 dự án, tổng vốn đăng ký 82,39 triệu USD.

<sup>42</sup> KKT Dung Quất 19 dự án; KCN 05 dự án; ngoài các khu 02 dự án.

<sup>43</sup> KKT 06: 60.180,375 tỷ đồng; các KCN 01 dự án: 43,43 tỷ đồng; ngoài các khu 12 dự án: 2.343,13 tỷ đồng.

<sup>44</sup> KKT 02 dự án, 255 tỷ đồng; các KCN 02 dự án: 47,67 tỷ đồng; ngoài các khu 04 dự án: 789,06 tỷ đồng.

<sup>45</sup> KKT Dung Quất: 552,72 tỷ đồng, các KCN tỉnh: 90,29 tỷ đồng, ngoài các khu: 153 tỷ đồng.

<sup>46</sup> KKT Dung Quất 110 dự án, tổng vốn 177.686,53 tỷ đồng; các KCN tỉnh 91 dự án, tổng vốn đăng ký 5.497,79 tỷ đồng; ngoài các Khu 146 dự án, tổng vốn đăng ký 33.141,15 tỷ đồng.

<sup>47</sup> KKT Dung Quất: 73 dự án; KCN tỉnh: 77 dự án và ngoài Khu: 72 dự án.

<sup>48</sup> Trong đó, có 153 Công ty TNHH MTV, 97 Công ty TNHH Hai thành viên trở lên, 38 CT cổ phần, 19 Doanh nghiệp Tư nhân. Ngoài ra, còn có 63 chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký thành lập mới.



38,46%; có 88 doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh.

Luỹ kế đến 30/5/2017, trên địa bàn tỉnh có 6.426 doanh nghiệp<sup>49</sup> được thành lập; trong đó, có 6.165 doanh nghiệp đăng ký mã số thuế nhưng chỉ có 4.144 doanh nghiệp đang hoạt động<sup>50</sup>.

Từ đầu năm đến nay, có 452 hồ sơ đăng ký trực tuyến qua cổng Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, chiếm 24,27% tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý.

### **11. Quản lý tài nguyên và môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu**

Hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) cấp tỉnh<sup>51</sup>. Hoàn thiện 03 bộ thủ tục hành chính về lĩnh vực đo đạc và bản đồ, tài nguyên nước, khoáng sản; quy định mức thu, chế độ thu và quản lý 07 loại phí và 01 lệ phí đối với việc khai thác tài nguyên, khoáng sản.

Tiếp nhận, giải quyết 26.050/32.121 hồ sơ (đạt 81,09%) liên quan lĩnh vực đất đai cho các hộ gia đình, cá nhân; phối hợp giải quyết hơn 76 trường hợp vướng mắc<sup>52</sup> trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Rà soát quỹ đất công ích, đất bãi bồi ven sông, ven biển và các quỹ đất khác đang giao cho UBND cấp xã quản lý; rà soát, kiểm tra xử lý đối với các dự án đã được giao đất, cho thuê đất, có chủ trương đầu tư, thỏa thuận địa điểm nhưng nhà đầu tư chậm triển khai thực hiện. Tổ chức kiểm tra thực địa khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn 13 huyện, thành phố (tại 120 khu vực). Hoàn thành “Hồ sơ khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản”.

Thực hiện quan trắc lại chất lượng môi trường xung quanh nhà máy, kết hợp kiểm tra, xác nhận việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường các dự án đầu tư<sup>53</sup>. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Ngày Đại dương thế giới và Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam năm 2017;... Hoàn thành nhiệm vụ phân vùng chức năng đới bờ tỉnh Quảng Ngãi và nhiệm vụ thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Ngãi.

## **II. Lĩnh vực văn hóa xã hội**

### **1. Giáo dục và đào tạo**

Sơ kết học kỳ I, triển khai nhiệm vụ học kỳ II và tổng kết năm học 2016-2017. Chuẩn bị và tổ chức tốt kỳ thi kỳ thi THPT năm 2017 trên địa bàn tỉnh; nhận, xử lý, chuyển giao hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển cho các trường đại học, cao đẳng; thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2017-2018. Tổ chức kỳ thi chọn

<sup>49</sup> Có 6.180 doanh nghiệp đăng ký mã số thuế và 246 doanh nghiệp đăng ký thành lập chưa đăng ký mã số thuế.

<sup>50</sup> Chiếm 67,05% trên tổng số doanh nghiệp đăng ký mã số thuế.

<sup>51</sup> Đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

<sup>52</sup> Trong đó có các dự án trọng điểm như: Khu Đô thị - Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi; Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Khu Đô thị Công nghiệp Dung Quất; Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất; Đầu tư xây dựng, mở rộng Quốc lộ 1, đoạn Km 1027 – Km 1045 + 780.

<sup>53</sup> (1) Nhà máy Xi măng Đại Việt - Dung Quất; (2) Báo cáo kết quả kiểm tra tình trạng nước chảy từ Khu xử lý chất thải rắn Bình Nguyên qua địa phận tỉnh Quảng Nam; (3) Tham mưu xử lý danh mục tài sản không cho thuê của Nhà máy xử lý CTR huyện Lý Sơn; (4) Báo cáo những nội dung liên quan đến việc xử lý nước thải của dự án Nhà máy Bột giấy VNT19

học sinh giỏi quốc gia năm 2017, có 20 em học sinh của tỉnh đạt giải. Tổ chức học sinh giỏi cấp tỉnh khối lớp 9, lớp 11; tổ chức và tham gia các cuộc thi cấp tỉnh, khu vực<sup>54</sup>.

Đến 30/6/2017, có 100% xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, tăng 03 xã<sup>55</sup> so với cuối năm 2016; 100% xã đạt phổ cập giáo dục THCS; 14/14 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi. Đến cuối năm học 2016-2017, tăng 07 trường Mầm non, và 01 trường THPT đạt chuẩn quốc gia, lũy kế có 63/208 (30,29%) trường Mầm non, 143/217 (65,9%) trường Tiểu học, 106/168 (63,1%) trường THCS và 19/39 (48,72%) trường THPT đạt chuẩn.

Tổ chức bàn giao 06 trường trung học cơ sở dân tộc nội trú tại 6 huyện miền núi về UBND huyện quản lý. Công tác đầu tư cơ sở vật chất ngành giáo dục tiếp tục được tỉnh quan tâm, đã bố trí hơn 80 tỷ đồng đầu tư cho 20 dự án giáo dục và đào tạo.

## **2. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân**

Trong 6 tháng đầu năm, có 04 xã, thị trấn<sup>56</sup> đạt tiêu chí quốc gia về y tế, lũy kế có 146/184 (79,34%) xã, phường, thị trấn đạt chuẩn; tăng số giường bệnh/vạn dân lên 25,2 giường/vạn dân.

Tập trung khắc phục hậu quả, xử lý môi trường, khám bệnh, cấp thuốc và tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh sau đợt lũ cuối năm 2016. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các cơ sở kinh doanh thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; nhất là trong các dịp lễ, hội, Tết cổ truyền. Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình; chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em; tiêm chủng mở rộng được chú trọng triển khai. Tình hình sốt rét ổn định, không có dịch xảy ra; sốt xuất huyết có xu hướng giảm.

Hoàn thành và đưa vào sử dụng công trình y tế xã Hành Trung; nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Bệnh viện Sản Nhi hiện tại đã cơ bản hoàn thành, dự kiến đi vào hoạt động trong quý III/2017.

## **3. Lao động, Thương binh và Xã hội**

Trong 6 tháng đầu năm đã giải quyết việc làm cho 19.320 lao động<sup>57</sup>, đạt 48,91% kế hoạch năm; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị duy trì ở mức 3,7%. Đã tổ chức 12 phiên giao dịch việc làm, có 2.069/30.000 lao động tham gia tư vấn được tuyển dụng; tuyển sinh đào tạo nghề cho 395 lao động; đăng ký xuất khẩu 339 lao động. Đã tổ chức cho 610 người đi xuất khẩu lao động<sup>58</sup>. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề ước đạt 48%.

Công tác đền ơn, đáp nghĩa, an sinh xã hội được quan tâm. Triển khai các

<sup>54</sup> Học sinh giỏi máy tính cầm tay, Hội thao giáo dục quốc phòng – an ninh; Hội thi Viết chữ đẹp tiểu học, thi chứng nhận Nghề phổ thông năm 2017; tham gia các cuộc thi khu vực và quốc gia: Olympic 30/4, Violympic và IOE, Tài năng tiếng Anh; sơ kết 01 năm triển khai đại trà dạy học Tiếng Việt 1 – Công nghệ giáo dục...

<sup>55</sup> 03 xã đạt là: xã Trà Bùi, huyện Trà Bồng; xã Ba Nam và Ba Trang, huyện Ba Tơ.

<sup>56</sup> Gồm các xã: Ba Khâm, Ba Tiêu, Ba Động, Ba Vinh, huyện Ba Tơ; Trà Nham, huyện Tây Trà; Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa.

<sup>57</sup> Trong đó, lao động nữ: 11.300 lao động.

<sup>58</sup> Trong đó, có 36 lao động khu vực 6 huyện miền núi.

hoạt động kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh-Liệt sĩ; xây dựng nhà ở người có công, đối thoại chính sách người có công, tu sửa các công trình nghĩa trang liệt sỹ... Đã giải quyết 257 trường hợp được hưởng trợ cấp ưu đãi người có công; cấp 2.419 tấn gạo từ nguồn hỗ trợ của Chính phủ các địa phương hỗ trợ cứu đói cho nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu-năm 2017, hỗ trợ thiếu đói cho nhân dân khắc phục mưa lũ năm 2016 và hỗ trợ thiếu đói do dịch bệnh hội chứng viêm da dày sừng bàn tay, bàn chân ở huyện Sơn Hà và Ba Tơ.

#### **4. Công tác dân tộc và miền núi**

Các chế độ, chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện đầy đủ; đời sống từng bước được nâng lên. Tỉnh đã tập trung chỉ đạo chuẩn bị cho nhân dân, đặc biệt là các đối tượng chính sách hộ nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện vui xuân, đón Tết Nguyên đán; phân bổ 1.718 tấn gạo từ nguồn hỗ trợ của Chính phủ và cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu<sup>59</sup>.

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe được chú trọng; tăng cường phòng, chống, kiểm tra và giám sát tình hình dịch bệnh; công nhận 05 xã<sup>60</sup> thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt tiêu chí quốc gia về y tế; công nhận 06 huyện miền núi đạt chuẩn phổ cập tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Các Chương trình 135, Chương trình hỗ trợ di dân, thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số, Chương trình hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt được các địa phương tích cực đẩy nhanh thực hiện. Đầu tư khởi công mới 73 công trình từ nguồn vốn 135; đưa vào sử dụng 06 công trình từ nguồn vốn viện trợ bổ sung của Chính phủ Ailen cho các xã 135; đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án định canh, định cư tập trung.

#### **5. Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

*Các hoạt động văn hóa, văn nghệ:* diễn ra sôi nổi, rộng khắp các địa phương trong tỉnh, với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, tiêu biểu là chương trình nghệ thuật mừng Đảng, mừng Xuân; tổ chức Lễ tưởng niệm 70 năm Ngày mất cụ Huỳnh Thúc Kháng (21/4/1947 - 21/4/2017)...

Các lễ hội truyền thống như ra quân đánh bắt thủy sản đầu năm, đua thuyền, Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa; các sinh hoạt văn nghệ dân gian như hát múa Bả trạo, hô bài Chòi, diễn tấu đấu chiêng dân tộc Cor... được tổ chức tạo không khí sinh hoạt sôi nổi, thu hút đông đảo nhân dân. Qua khai quật đã phát hiện một số hiện vật có giá trị cao của nền văn hóa Chăm pa tại núi Thiên Bút. Lễ hội Điện Trường Bà được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Ký hợp tác, phát triển lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch giai đoạn 2017-2020 với các tỉnh Quảng Nam, Kon Tum.

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu

<sup>59</sup> 18.890 kg bột ngọt; 99.466 lít nước mắm; 49.773 lít dầu ăn.

<sup>60</sup> Gồm các xã: Ba Động, Ba Tiêu, Ba Vinh, Ba Khâm, huyện Ba Tơ và xã Trà Nham, huyện Tây Trà.

đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững; tổ chức công bố Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu Văn hóa Thiên Ân.

*Các hoạt động thể dục, thể thao* phong trào được tổ chức sôi nổi, thu hút đông đảo người dân tham gia. Phối hợp tổ chức giải Billiards và Snooker vô địch quốc gia (vòng 1)<sup>61</sup>. Tổ chức 11 giải thể thao cấp tỉnh; tổ chức thành công Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi lần thứ III năm 2017, với sự tham gia của hơn 300 vận động viên đến từ 06 huyện miền núi. Hỗ trợ tổ chức Giải Bóng đá tỉnh Quảng Ngãi - Cup Pha Đin 2017.

Các đội tuyển của tỉnh tham gia 27 giải thể thao toàn quốc và giành được 105 huy chương các loại<sup>62</sup>; có 01 vận động viên đạt huy chương Vàng giải Vô địch Wushu Châu Á tại Đài Loan - Trung Quốc.

*Về du lịch:* Lượng khách đến tham quan tại tỉnh tăng mạnh. Tổng lượt khách ước đạt 433.000 lượt người<sup>63</sup>, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó, huyện đảo Lý Sơn đã đón 62.937 lượt khách<sup>64</sup>, giảm 21,03%. Tổng doanh thu ước đạt 338 tỷ đồng, tăng không đáng kể so với cùng kỳ 2016.

Hoạt động quảng bá, thu hút đầu tư du lịch được quan tâm đẩy mạnh. Đối thoại với các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành trên địa bàn tỉnh để nắm bắt tình hình, tháo gỡ vướng mắc và định hướng phát triển tour, tuyến du lịch, thành lập Chi hội lữ hành trực thuộc Hiệp hội Du lịch tỉnh cho các doanh nghiệp; xây dựng kế hoạch tổ chức mô hình du lịch cộng đồng tại huyện Ba Tơ; tổ chức famtrip, fresstrip Ba Tơ. Hoàn chỉnh Cẩm nang du lịch Quảng Ngãi; phối hợp xây dựng, quảng bá clip du lịch tỉnh, Lý Sơn - Đảo tình yêu.

## **6. Thông tin, truyền thông và Phát thanh, truyền hình**

Các chương trình phát thanh, truyền hình, truyền thông tập trung xây dựng, kịp thời phản ánh được không khí mừng Đảng, đón Xuân, vui Tết của nhân dân. Tập trung phổ biến nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017; tuyên truyền Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”.

Tập trung tuyên truyền các ngày lễ lớn, sự kiện quan trọng của đất nước và của tỉnh; tuyên truyền Đại hội Đoàn các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh toàn quốc lần thứ 62 (nhiệm kỳ 2017-2022); tuyên truyền thông tin công tác lập lại trật tự vỉa hè, trật tự đô thị trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, ngày Sách tỉnh Quảng Ngãi năm 2017.

Ban hành quy chế quản lý dịch vụ công trực tuyến trong các cơ quan nhà nước. Tổng hợp và xây dựng kế hoạch thực hiện Báo cáo đánh giá, xếp hạng ICT năm 2016 của tỉnh; bàn giao chữ ký số đợt 4, đã triển khai hoàn thành kết nối liên thông từ tỉnh đến huyện theo tiến độ. Với khoảng 1.350 trạm BTS (2G, 3G, 4G) đảm bảo phủ sóng di động ở khu vực nông thôn và miền núi.

<sup>61</sup> Với sự tham gia của hơn 300 vận động viên đến từ 22 tỉnh, thành trong cả nước.

<sup>62</sup> Trong đó: 26 HCV, 36 HCB và 43 HCD.

<sup>63</sup> Có 9.700 lượt khách quốc tế, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2016.

<sup>64</sup> Trong đó, có 592 du khách quốc tế.

Tăng cường công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai Đề án một cửa tại các địa phương: Trà Bồng, Mộ Đức, Tư Nghĩa và Đức Phổ. Tiếp tục triển khai liên thông phần mềm quản lý văn bản, gắn với ứng dụng chữ ký số; đã cấp phát 51 chứng thư số.

### **7. Khoa học và Công nghệ**

Tiếp tục theo dõi quản lý triển khai 27 nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ (KHCHN) chuyển tiếp từ 2016 sang; nghiệm thu kết quả 04 đề tài, dự án KHCHN<sup>65</sup>; chuyển giao kết quả 01 đề tài<sup>66</sup> các cơ quan, đơn vị liên quan khai thác, sử dụng. Phê duyệt triển khai thực hiện 07 nhiệm vụ KHCHN cấp tỉnh năm 2017 (đợt 1); họp Hội đồng xét giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện 16 nhiệm vụ KHCHN năm 2017.

Thẩm định về công nghệ và thiết bị 06 dự án đầu tư; hướng dẫn hồ sơ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu cho 07 doanh nghiệp. Tiếp nhận khai báo việc sử dụng và vận chuyển nguồn phóng xạ của các cơ sở trên địa bàn tỉnh đảm bảo an toàn, đúng quy định<sup>67</sup>; phê duyệt 03 Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình đổi mới thiết bị, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm<sup>68</sup>.

## **III. Lĩnh vực nội chính, tổ chức nhà nước và quốc phòng, an ninh**

### **1 Công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo**

Toàn ngành đã thực hiện 792 cuộc thanh tra, kiểm tra hành chính và chuyên ngành<sup>69</sup>; phát hiện sai phạm về tài chính với số tiền 15.737,6 triệu đồng và 271.085,2 m<sup>2</sup> đất cùng nhiều sai phạm khác; kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 8.461,76 triệu đồng.

Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện 50 kết luận và quyết định xử lý về thanh tra; kịp thời phối hợp điều chỉnh kế hoạch đối với 195 trường hợp thanh, kiểm tra doanh nghiệp có dấu hiệu trùng lặp; cử công chức làm đầu mối theo dõi, xử lý kiến nghị của doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện các kết luận, xử lý và chỉ đạo của UBND tỉnh liên

---

<sup>65</sup> (1) Dự án "Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phát triển cây ăn quả hàng hóa tại huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi"; (2) Đề án: "Nghiên cứu tình hình bạo lực gia đình ở tỉnh Quảng Ngãi"; (3) Dự án: "Hỗ trợ áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển sản xuất nông nghiệp phục vụ xây dựng nông thôn mới tại xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi"; (4) Dự án SXTN: "Thử nghiệm giải pháp kỹ thuật nhiệt phân để xử lý thu hồi dầu từ cặn dầu thải của nhà máy lọc dầu Dung Quất".

<sup>66</sup>Đề tài "Nghiên cứu, biên soạn tài liệu dạy-học tiếng Co cho cán bộ, công chức (người Kinh) công tác tại huyện Trà Bồng và huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi".

<sup>67</sup>Tiếp nhận khai báo việc sử dụng và vận chuyển 17 nguồn phóng xạ kín, 19 thiết bị máy phát tia X của các cơ sở có hoạt động bức xạ từ địa phương khác đến hoạt động bức xạ trên địa bàn tỉnh; cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho 03 cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế; cấp 05 Chứng chỉ nhân viên bức xạ.

<sup>68</sup>Hỗ trợ kinh phí 12 hồ sơ tham gia Chương trình KHCHN phát triển tài sản trí tuệ với nội dung bảo hộ nhãn hiệu. Nghiệm thu kết quả thực hiện dự án "Đổi mới thiết bị, công nghệ bảo quản hạt giống lúa"; xét duyệt hồ sơ tham gia Chương trình với dự án "Đổi mới thiết bị sản xuất tời đen". Hướng dẫn cho 4 doanh nghiệp<sup>68</sup> làm các thủ tục đăng ký tham gia Chương trình KHCHN hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh; tiếp nhận và hướng dẫn 31 hồ sơ đăng ký tham gia Chương trình và 06 hồ sơ đề nghị từ chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

<sup>69</sup> Trong đó, 62 cuộc thanh tra hành chính; 730 cuộc chuyên ngành.

quan đến đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh và đất rừng trên địa bàn tỉnh tại 26 đơn vị.

Các cơ quan hành chính và lãnh đạo tỉnh đã tiếp 1.992 lượt/2.244 người của 1.773 vụ việc, trong đó, có 06 vụ đông người của 06 vụ việc phát sinh đến nơi tiếp công dân của các cấp, các ngành. Tiếp nhận và xử lý 4.167 đơn thư các loại; kết quả chuyển đến cơ quan có thẩm quyền 736 đơn; ban hành 85 văn bản đơn đốc việc giải quyết; trả lại và hướng dẫn 395 đơn; thuộc thẩm quyền 348 đơn; lưu 603 đơn không đủ điều kiện xử lý; đã giải quyết 85/153 vụ khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt tỷ lệ 55,6%.

Tiến hành 21 cuộc thanh tra trong đó có nội dung thanh tra việc chấp hành pháp luật về phòng chống tham nhũng tại 34 đơn vị; ban hành kết luận thanh tra của 11 cuộc tại 12 đơn vị, chủ yếu phát hiện sai sót như: công khai quản lý sử dụng tài sản của nhà nước chưa đúng quy định; chưa thực hiện tốt việc chuyển đổi vị trí công tác; công khai minh bạch tài sản thu nhập chưa đúng quy định; công tác tự kiểm tra chưa thực hiện nghiêm túc...

## **2. Công tác tư pháp**

Đã thẩm định 88 lượt văn bản quy phạm của UBND tỉnh do các sở, ban ngành chuyển đến; tự kiểm tra 35 văn bản quy phạm của UBND và Chủ tịch UBND tỉnh ban hành; kiểm tra 48 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND huyện, thành phố trong tỉnh gửi đến sau khi ban hành. Rà soát, tổng hợp 485 thủ tục hành chính cấp tỉnh đề xuất đưa vào giải quyết tại Trung tâm hành chính công của tỉnh. Công nhận 276 cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

Tập trung công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản, kiểm soát thủ tục hành chính; hoàn thành việc kiểm soát chất lượng dự thảo công bố 206 thủ tục hành chính và 12 thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của 06 Sở ngành<sup>70</sup>.

Kịp thời phát hiện sai phạm, kiến nghị biện pháp xử lý, chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả công tác tư pháp cơ sở<sup>71</sup>. Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được đẩy mạnh thực hiện, đạt kết quả tốt.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật<sup>72</sup> được duy trì thường xuyên. Trung tâm trợ giúp pháp lý đã thực hiện 191 vụ việc trợ giúp pháp lý cho 205 đối tượng. Tổ chức 27 đợt trợ giúp pháp lý lưu động về các xã của các huyện Đức Phổ, Bình Sơn, Sơn Tây, Lý Sơn.

## **3. Công tác Nội vụ**

Rà soát, xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

---

<sup>70</sup>Các Sở: Thông tin và Truyền thông; Giáo dục và Đào tạo; Tài nguyên và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Y tế và Nội vụ.

<sup>71</sup>Xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 Công chứng viên làm việc tại Văn phòng Công chứng Tư Nghĩa.

<sup>72</sup>Tổ chức hội nghị triển khai 04 văn bản luật: Luật Trẻ em, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Báo chí, Luật Đấu giá tài sản; tổ chức tập huấn tuyên truyền pháp luật về Trật tự an toàn giao thông đường sắt tại các đường ngang; phối hợp Đài Phát thanh truyền hình tỉnh thực hiện chuyên mục pháp luật cuộc sống với chủ đề về công tác xây dựng, thẩm định văn bản QPPL...

02 sở, ngành<sup>73</sup>; phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức cho các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố và Bệnh viện Sản - Nhi. Hoàn thành đề án sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh tuyên truyền và thực hiện đề án cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020. Xây dựng bộ chỉ số cải cách hành chính của cấp sở, cấp huyện và cấp xã. Phê duyệt đề án thực hiện cơ chế một cửa tại UBND huyện Minh Long; thành lập Ban Quản lý chợ Quảng Ngãi. Chuyển giao chức năng quản lý nhà nước một số lĩnh vực giữa các sở ngành và giữa các sở ngành với UBND các huyện theo quy định<sup>74</sup>.

Giao chỉ tiêu biên chế công chức hành chính năm 2017. Công tác bổ nhiệm, điều động cán bộ được thực hiện theo đúng quy định; công tác tuyển dụng, thuyên chuyển, hợp đồng đối với công chức, viên chức thực hiện kịp thời, đáp ứng nhu cầu công việc các đơn vị; cử đi đào tạo 13 Thạc sĩ, 01 Bác sĩ nội trú, 01 Bác sĩ chuyên khoa I. Quản lý nhà nước về thanh tra pháp chế, thanh niên, tôn giáo, văn thư lưu trữ được thực hiện kịp thời, đúng quy định.

#### **4. Công tác Ngoại vụ**

Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác với các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore...; đẩy mạnh hoạt động giao lưu, hợp tác hữu nghị truyền thống với các địa phương của Lào; xem xét thiết lập quan hệ kinh tế với tỉnh Oran - Algeri trên một số lĩnh vực mà hai địa phương có thế mạnh và sự tương đồng như lọc hóa dầu, hạ tầng cảng biển, xuất khẩu lao động...

Thực hiện tốt công tác lễ tân phục vụ lãnh đạo tỉnh tiếp và làm việc với 03 đoàn khách ngoại giao đến thăm và làm việc tại tỉnh; tổ chức 03 Đoàn do lãnh đạo tỉnh<sup>75</sup> dẫn đầu công tác nước ngoài; hướng dẫn, quản lý 52 đoàn vào với 230 lượt người khách nước ngoài đến thăm, làm việc, hợp tác đầu tư, viện trợ nhân đạo và hỗ trợ phát triển; cử 23 đoàn gồm 44 lượt CBCCVC đi công tác nước ngoài; hướng dẫn, quản lý 05 đoàn gồm 14 lượt phóng viên thuộc Văn phòng thường trú các Hãng thông tấn báo chí nước ngoài đến tác nghiệp tại tỉnh phục vụ công tác thông tin đối ngoại. Ký kết 02 Bản ghi nhớ<sup>76</sup>; xúc tiến, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài đạt gần 49 tỷ đồng với 25 chương trình, dự án thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau<sup>77</sup>. Tổ chức buổi gặp mặt bà con kiều bào về thăm quê hương nhân dịp Tết Nguyên đán.

<sup>73</sup> Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi cục Bảo vệ môi trường.

<sup>74</sup> Chuyển 02 trường THCS - Dân tộc nội trú Sơn Hà, Ba Tơ trực thuộc Sở GDĐT về UBND các huyện quản lý; chuyển 06 BQL rừng phòng hộ thuộc các huyện về Sở NN&PTNT quản lý; chuyển giao chức năng quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp đối với các trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp từ Sở GDĐT sang Sở LĐ, TB và XH; ủy quyền giám đốc Sở GDĐT thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học trên địa bàn tỉnh.

<sup>75</sup> Gồm Đoàn lãnh đạo tỉnh do Phó Bí thư TTTU làm Trưởng đoàn đi thăm và làm việc tại CHDCND Lào, Đoàn do CT UBND tỉnh làm Trưởng đoàn đi dự Diễn đàn Cấp cao Thị trường các Thành phố trên Thế giới tại Singapore, Đoàn do PCT UBND tỉnh làm Trưởng đoàn tham dự Hội nghị Xúc tiến đầu tư tại Ấn Độ.

<sup>76</sup> Bản ghi nhớ với Tổ chức Tầm nhìn Thế giới về thực hiện Dự án Tăng cường khả năng ứng phó với thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số huyện Minh Long (Dự án EREM 2) và Bản ghi nhớ với Tổ chức VVOB/Bi về thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non 2017 - 2021.

<sup>77</sup> Cửa 14 TCPCPN, 01 cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam và 02 công ty FDI.

Trong 06 tháng đầu năm, toàn tỉnh có 11 vụ gồm 21 tàu/206 ngư dân khai thác trái phép bị các nước<sup>78</sup> bắt giữ; 05 vụ gồm 07 tàu/87 ngư dân bị Trung Quốc ngăn cản, đập phá, lấy tài sản rồi xua đuổi ra khỏi khu vực. Tỉnh đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan có biện pháp can thiệp đưa 206 ngư dân bị nước ngoài bắt giữ về nước. Hiện vẫn còn 73 ngư dân bị nước ngoài bắt giữ.

## **5. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội**

Quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được giữ vững, ổn định. Tổ chức tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn các ngày lễ, kỷ niệm, các sự kiện quan trọng của tỉnh. Công tác tuyên quân được triển khai thực hiện tốt, đạt 100% chỉ tiêu được giao, với 2.400 thanh niên; xây dựng đảm bảo số lượng dân quân tự vệ năm 2017.

Tập trung các biện pháp hữu hiệu, thực hiện quyết liệt công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các vụ tai nạn đường bộ. Trong 6 tháng đầu năm toàn tỉnh xảy ra 260 vụ xâm phạm trật tự xã hội, giảm 15 vụ; xảy ra 314 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 72 người và bị thương 376 người, giảm 33 vụ, 06 người chết, 98 người bị thương so với cùng kỳ năm 2016. Xảy ra 01 vụ tai nạn đường sắt, chết 01 người.

## **B. MỘT SỐ HẠN CHẾ TỒN TẠI**

### **1. Về lĩnh vực kinh tế**

- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp giảm mạnh.
- Một số doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh không ổn định, sản phẩm thiếu sức cạnh tranh không tiêu thụ được, thậm chí có nguy cơ thua lỗ nên không trả được nợ vay ngân hàng; nợ xấu ngân hàng có xu hướng gia tăng.
- Tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án đầu công còn chậm, nhất là vốn Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Thu hút đầu tư còn không ít khó khăn. Một số dự án được cấp phép đầu tư nhưng chậm triển khai hoặc tạm dừng đầu tư.
- Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2016 so với năm 2015 giảm mạnh, cho thấy môi trường đầu tư của tỉnh chưa thực sự được cải thiện; kết quả một số chỉ số thành phần liên tục giảm, nhất là các chỉ số về tiếp cận đất đai, chi phí không chính thức, thiết chế pháp lý, chi phí thời gian và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp...
- Giá cả một số nông sản, gia súc giảm sút; hàng hóa ứ đọng, khó tiêu thụ, đời sống nông dân gặp khó khăn.
- Công tác kiểm tra, hậu kiểm tra Giấy phép khai thác khoáng sản còn nhiều hạn chế. Các doanh nghiệp thực hiện không đầy đủ hoặc không thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; không thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường; không lập thủ tục thuê đất khoáng sản và lập hồ sơ đóng cửa mỏ.
- Khí hậu, thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp, thay đổi thất thường, gây ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản.

<sup>78</sup>Úc, Solomon, New Caledonia và Papua NewGuinea.



- Ngư dân khai thác thủy sản ở các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam thường xuyên bị Trung Quốc ngăn cản, đập phá, lấy ngư cụ, xua đuổi khỏi khu vực. Tình trạng ngư dân Quảng Ngãi xâm phạm lãnh hải các nước để khai thác thủy sản trái phép không có dấu hiệu giảm.

## **2. Về lĩnh vực xã hội**

- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc mầm non chưa cao; chỉ tiêu trường đạt chuẩn quốc gia bậc THCS đạt thấp. Vẫn còn tình trạng dạy thêm, học thêm trái quy định. Quản lý chất lượng, kiểm tra, giám sát ở một số cơ sở giáo dục chưa được coi trọng đúng mức. Một bộ phận giáo viên ngại đổi mới trong dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin; sử dụng thiết bị dạy học còn nhiều hạn chế...

- Nhiều trường không có khả năng giữ chuẩn sau 5 năm (có 131/211 trường không có khả năng duy trì được chuẩn, chiếm tỷ lệ 62,8%). Tình trạng học sinh bỏ học vẫn còn cao, chậm khắc phục hoặc có khắc phục song hiệu quả chưa cao.

- Chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh tuy có cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của người dân, nhất là ở khu vực miền núi.

- Công tác giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động còn chậm. Tuyển sinh đào tạo nghề gặp khó khăn, nhất là đối với trình độ sơ cấp và trung cấp nghề; một số cơ sở dạy nghề chất lượng đào tạo nghề chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

- Một số địa phương thiếu sự quan tâm nên tình trạng xâm hại, bạo hành và tai nạn thương tích trẻ em xảy ra có chiều hướng tăng. Việc khắc phục tâm lý ý lại vào nhà nước của hộ nghèo còn gặp khó khăn, hiệu quả chưa cao, nhất là khu vực miền núi.

- Một số di tích văn hoá, lịch sử trên địa bàn xuống cấp nhưng chưa được đầu tư trùng tu, sửa chữa, nâng cấp. Phong trào thể dục thể thao ở các địa phương, cơ quan chưa mạnh. Chỉ tiêu thể thao thành tích cao đạt so với kế hoạch, nhưng còn thấp so với các tỉnh trong khu vực; đời sống văn hóa, thể thao ở vùng sâu, vùng xa còn hạn chế, một số hủ tục lạc hậu còn diễn biến phức tạp.

- Một số đơn vị thực hiện chưa nghiêm việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến; chưa chủ động xây dựng, ứng dụng phần mềm quản lý thông tin, số liệu để phục vụ công tác chuyên môn. Thiết bị hạ tầng CNTT ở tuyến xã/phường cũ, lạc hậu, chưa đáp ứng tốt cho việc triển khai mở rộng ứng dụng. Mức độ tham gia dịch công trực tuyến mức độ 3,4 của công dân còn thấp.

- Tính khả thi một số đề tài khoa học công nghệ còn thấp; việc ứng dụng mang lại hiệu quả chưa cao; các địa phương chưa chủ động đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần thiết phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội.

## **3. Lĩnh vực nội chính và quốc phòng, an ninh**

- Hiệu quả trong việc kiểm tra tính chính xác, hợp pháp các kết luận thanh tra của cấp huyện, cấp sở còn thấp; chưa có biện pháp thúc đẩy, nâng cao chất lượng thanh tra của cấp sở, cấp huyện.

- Tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo vẫn chưa đạt yêu cầu. Việc tham mưu,

xác minh một số vụ việc cụ thể còn chậm.

- Việc trả lời đơn phản ánh, kiến nghị của công dân về thủ tục hành chính còn chậm. Hầu hết cấp huyện chưa bố trí công chức chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cho Phòng Tư pháp mà chỉ giao công chức kiêm nhiệm; cấp xã chỉ giao cho công chức tư pháp, hộ tịch kiêm nhiệm.

*Tóm lại: Trong 6 tháng đầu năm 2017, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đạt được một số kết quả tích cực: Sản lượng khai thác thủy sản tăng; sản lượng và năng suất lúa tăng cao; hoạt động vận tải tăng trưởng tốt, chất lượng được nâng lên; chỉ số giá tiêu dùng tăng nhẹ; xuất khẩu tăng mạnh; hoạt động tín dụng ngân hàng tăng trưởng ổn định; công tác thu hút đầu tư đạt nhiều kết quả tốt; dự án khu đô thị, dân cư phát triển mạnh; công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ; công tác đền ơn đáp nghĩa được quan tâm; lượng khách du lịch đến tỉnh ngày càng tăng. Quốc phòng, an ninh được giữ vững.*

*Bên cạnh đó, kinh tế - xã hội của tỉnh cũng gặp không ít khó khăn, thách thức là: Giá trị sản xuất công nghiệp giảm mạnh do rơi vào thời điểm bảo dưỡng tổng thể lần 3 của Nhà máy lọc dầu Dung Quất; thời tiết diễn biến phức tạp, thay đổi thất thường; các dự án đầu tư công triển khai thực hiện và giải ngân chậm; một số sản phẩm nông sản và chăn nuôi gặp khó khăn do giá thu mua giảm sút, khó khăn về đầu ra; chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh của tỉnh năm 2016 giảm sút<sup>79</sup>...*

*Dự báo đến cuối năm, một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu có khả năng đạt và vượt kế hoạch như: kim ngạch xuất, thu cân đối ngân sách, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, sản lượng khai thác thủy sản... Bên cạnh đó, một số chỉ tiêu khó đạt kế hoạch đề ra như: tăng trưởng kinh tế, tổng vốn đầu tư toàn xã hội,...*

## **C. NGUYỄN NHÂN**

### **I. Nguyên nhân khách quan**

- Nhà máy lọc dầu Dung Quất thực hiện công tác bảo dưỡng tổng thể lần 3, dẫn đến giá trị sản xuất công nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ.

- Nhiều dự án vướng bồi thường, giải phóng mặt bằng và không được giải quyết dứt điểm dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao để đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, xã hội.

- Thời tiết thay đổi thất thường, gây ảnh hưởng không nhỏ đến lịch mùa vụ gieo trồng, chăn nuôi...

- Một số dự án được cấp phép đầu tư nhưng năng lực và nguồn lực của doanh nghiệp hạn chế, triển khai đầu tư chậm chùng, nhỏ giọt.

---

<sup>79</sup> Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2016 giảm 11 bậc so với năm 2015, trong đó, có 04 chỉ số tăng, 6 chỉ số giảm.

## **II. Nguyên nhân chủ quan**

- Một số ngành, địa phương thiếu sự quyết tâm, nỗ lực cải cách; chưa đưa ra được giải pháp căn cơ, trọng tâm để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương mình. Còn phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn từ ngân sách; chưa chủ động huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội.

- Thu ngân sách vẫn còn phụ thuộc lớn vào nguồn thu của Nhà máy lọc dầu, chưa tạo được nhiều nguồn thu lớn khác dẫn đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh thiếu bền vững.

- Một số chủ đầu tư chưa đôn đốc quyết liệt các đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ thực hiện; chưa tập trung tháo gỡ các vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng nên hiện nay có một số dự án tiến độ thực hiện chưa đạt yêu cầu; việc triển khai các thủ tục đầu tư khởi công mới chậm; bộ máy nhân lực của một số Ban quản lý dự án đầu tư công trình còn hạn chế.

- Công tác giám sát khai thác khoáng sản còn lỏng lẻo; thiếu nhân lực, thiết bị theo dõi khối lượng khai thác; chưa kiên quyết xử lý đối với các vi phạm luật khoáng sản và những nội dung quy định trong Giấy phép khai thác.

- Công tác dự báo thị trường, định hướng sản xuất còn bỏ ngỏ, chưa xây dựng kết nối giữa sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông sản, chăn nuôi.

- Đối với các dự án thu hút đầu tư: Một số ngành, địa phương liên quan chưa thực sự quan tâm, bám sát tình hình triển khai dự án để hỗ trợ nhà đầu tư giải quyết các vướng mắc, khó khăn, nhất là trong thủ tục đất đai, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Thủ trưởng một số cơ quan hành chính các cấp chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm trực tiếp tiếp công dân và chủ trì đối thoại, còn đùn đẩy cho cấp phó, cấp dưới.

### **Phần thứ hai**

## **NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2017**

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 theo Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, từng sở, ban ngành, từng địa phương rà soát toàn bộ các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao từ đầu năm tại Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 về Chương trình công tác năm 2017 của UBND tỉnh và các nhiệm vụ được giao bổ sung trong năm, tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện, triển khai các giải pháp hữu hiệu, phấn đấu hoàn thành tốt mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của ngành, địa phương. Đồng thời, tập trung thực hiện một số các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

### **I. Về lĩnh vực kinh tế**

**1. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hoàn thành các quy hoạch, kế hoạch, chương trình; xây dựng cơ chế, chính sách làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư sản xuất kinh doanh**

(1) Đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành quy hoạch chi tiết các đô thị, huyện lỵ trung tâm của các địa phương, các khu vực động lực phát triển của tỉnh như hai bên bờ sông Trà Khúc, sông Trà Bồng...; hoàn thành quy hoạch xây dựng huyện đảo Lý Sơn (tỷ lệ 1/2000).

(2) Rà soát và ban hành cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ, thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, trong đó chú trọng lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.

(3) Ban hành chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất thông qua các hình thức chuyên nhượng quyền sử dụng đất; thuê quyền sử dụng đất hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất; chính sách ưu đãi trong giao đất, cho thuê đất đối với các tổ chức cá nhân tham gia sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản sạch, nông sản hữu cơ.

## **2. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng trong Khu kinh tế Dung Quất, các Khu công nghiệp; phát triển hạ tầng giao thông, đô thị**

(1) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất, các Khu Công nghiệp để tăng cường thu hút đầu tư.

(2) Tập trung giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, sớm bàn giao toàn bộ mặt bằng cho các dự án trọng điểm trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất như: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất; Khu đô thị công nghiệp Dung Quất.

(3) Phối hợp chặt chẽ với Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn trong việc tổ chức bảo dưỡng tổng thể lần 3, phân đấu hoàn thành trước thời hạn bảo dưỡng.

(4) Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và đưa vào sử dụng các dự án đầu tư hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị. Hoàn chỉnh thủ tục tổ chức khởi công một số dự án lớn như: cầu Cửa Đại, Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa...; phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Quốc lộ 24, Dự án mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi.

## **3. Phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; phát triển thương mại, dịch vụ**

(1) Tập trung chỉ đạo sản xuất vụ Hè Thu an toàn, đảm bảo thu hoạch trước mùa mưa bão. Theo dõi chỉ đạo tình hình đánh bắt vụ cá Nam năm 2017.

(2) Kiểm tra, đánh giá và đưa ra giải pháp khai thác hiệu quả tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới.

(3) Đẩy mạnh dồn điền đổi thửa với mục tiêu cuối năm 2017 hoàn thành 70% diện tích dồn điền đổi thửa trên toàn tỉnh.

(4) Tổ chức xúc tiến thương mại, tham gia các hội chợ nông sản và hỗ trợ người dân xây dựng thương hiệu nông sản sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tạo đầu ra ổn định. Dự báo thị trường, định hướng sản xuất một số loại nông sản đặc thù, có lợi thế; đưa nông sản của tỉnh vào các hệ thống siêu thị, trung tâm phân phối lớn như BigC, Coopmart...

(5) Rà soát, hướng dẫn các xã lập thủ tục công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017. Tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu, phấn đấu đưa huyện Nghĩa Hành đạt chuẩn huyện nông thôn mới đầu tiên của tỉnh.

#### **4. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; khuyến khích đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp**

(1) Tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ nhà đầu tư triển khai các dự án trọng điểm như: Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất, dự án nâng cấp, mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất, các dự án đầu tư trong Khu VSIP,...; triển khai các dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, đầu tư xây dựng các khu dân cư, đô thị, kinh doanh bất động sản, các dự án thủy điện...; phối hợp tốt trong việc giới thiệu địa điểm cho nhà đầu tư tìm hiểu, nghiên cứu đầu tư các dự án mới trên địa bàn tỉnh.

(2) Ban hành kế hoạch phát triển doanh nghiệp của tỉnh. Khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là các doanh nghiệp sản xuất nông sản sạch, công nghệ cao, có thương hiệu mạnh. Thành lập bộ phận chuyên trách ở cấp tỉnh và huyện thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp, tổ chức sản xuất nông sản sạch, nông sản hữu cơ.

(3) Nghiên cứu, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chỉ số cạnh tranh sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh (DDCI); gắn liền với đẩy mạnh và nâng cao các chỉ số: Chỉ số cải cách hành chính cấp sở, ngành, cấp huyện, cấp xã (PAR INDEX); chỉ số cải cách hành chính, hiệu số quản trị hành chính công (PAPI) và mức độ hài lòng của người dân (SIPAS). Trong đó, nền tảng là tập trung cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đất đai, thuế...

(4) Hoàn thiện, ban hành thủ tục liên quan đến đất đai nhằm rút ngắn thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận đất đai.

(5) Tổng kết, đánh giá cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp”; chọn ý tưởng, kêu gọi đầu tư các ý tưởng đạt giải; thành lập và vận hành có hiệu quả quỹ khởi nghiệp tỉnh Quảng Ngãi...

(6) Chủ động, phối hợp với các doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh tổ chức các đoàn xúc tiến, kêu gọi đầu tư tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore.... Tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2017 tại Quảng Ngãi (tháng 9/1017); chủ động gặp gỡ, tiếp cận với một số nhà đầu tư lớn để kêu gọi đầu tư vào tỉnh.

(7) Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

#### **5. Tăng cường các biện pháp thu, chi và quản lý ngân sách nhà nước; huy động các nguồn lực đầu tư và quản lý đầu tư**

(1) Tập trung đẩy mạnh, đồng bộ các giải pháp trong công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; phấn đấu thu đạt và vượt dự toán năm 2017. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và chống thất thu thuế, ngăn chặn xử lý kịp thời các hành vi chuyển giá, trốn thuế. Thực hiện triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, chi cho bộ máy nhà nước, chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp

công. Thực hiện nghiêm túc kiến nghị của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước đối với các khoản phải thu vào ngân sách nhà nước và các khoản giảm trừ cấp kinh phí cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

(2) Kêu gọi, thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư; xây dựng phương án khai thác quỹ đất hiệu quả để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển.

(3) Tăng cường theo dõi, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công công trình; khẩn trương nghiệm thu lên khối lượng để thanh toán, đảm bảo giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2017. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án chuyển tiếp; hoàn thành việc thẩm định, phê duyệt và trình phê duyệt, để sớm triển khai các dự án khởi công mới. Phối hợp với các đơn vị liên quan tập trung tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

(4) Rà soát, đánh giá và báo cáo cụ thể nguồn nhân lực cũng như trình độ chuyên môn của cán bộ phục vụ công tác quản lý dự án tại các Ban Quản lý dự án của tỉnh và các huyện, thành phố. Tăng cường trách nhiệm của các chủ đầu tư trước UBND tỉnh về tiến độ thực hiện cũng như kết quả giải ngân của các dự án.

(5) Tổng hợp, rà soát điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách địa phương, vốn chương trình mục tiêu năm 2017; xây dựng kế hoạch đầu tư công 2018.

(6) Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, môi trường. Rà soát, kiểm tra, xử lý các mỏ khoáng sản thực hiện không đảm bảo các quy định về khai thác, cải tạo phục hồi môi trường, thuê đất khoáng sản...

## **II. Lĩnh vực văn hóa xã hội**

(1) Tổ chức tốt công tác thi tốt nghiệp Trung học phổ thông quốc gia và tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2017.

(2) Chuẩn bị nhân lực và đảm bảo các điều kiện để đưa Bệnh viện Sản Nhi đi vào hoạt động (tháng 9/2017).

(3) Tiếp tục triển khai các hoạt động kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh-Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2017): hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người có công; đối thoại chính sách, tu sửa các công trình nghĩa trang liệt sỹ; tổ chức Lễ viếng Nghĩa trang liệt sĩ và thăm, tặng quà gia đình người có công...

(5) Triển khai Đề án về Chính sách khuyến khích hộ nghèo tạo ra nhiều sản phẩm, tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020.

(6) Ban hành quy định về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.

(7) Tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế về Công viên địa chất Lý Sơn; khánh thành Khu bảo tồn di tích Văn hóa Sa Huỳnh.

(8) Quảng bá, giới thiệu video clip Lý Sơn-Đảo tình yêu trên các phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng mô hình du lịch cộng đồng tại huyện Ba Tơ; tổ chức chương trình famtrip, fresstrip Ba Tơ.

(9) Hoàn thành, đưa vào vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh, đảm bảo về an toàn bảo mật, an ninh thông tin.

## **III. Lĩnh vực nội chính, tổ chức nhà nước và quốc phòng, an ninh**

Đẩy mạnh công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống

tham nhũng; tập trung xử lý trùng lặp, chồng chéo trong hoạt động thanh tra, nhất là đối với hoạt động thanh, kiểm tra doanh nghiệp. Đôn đốc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý về thanh tra. Tập trung nguồn lực giải quyết những vụ việc phức tạp, gay gắt, những vụ đông người.

(2) Thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật. Tổ chức tốt công tác thi tuyển dụng công chức năm 2017. Tổ chức triển khai Đề án thành lập Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện.

(3) Thiết lập quan hệ hợp tác giữa Quảng Ngãi với thành phố Busan, Hàn Quốc và Kobe, Nhật Bản.

(4) Duy trì nghiêm túc chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm an toàn các mục tiêu trọng điểm; tăng cường công tác bảo vệ an ninh, chủ quyền vùng biển. Đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho ngư dân về hành nghề kết hợp bảo vệ chủ quyền biển, đảo, không xâm phạm vùng biển các nước để khai thác thủy sản.

Trên đây là tình hình kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ và giải pháp 6 tháng cuối năm 2017, UBND tỉnh kính báo cáo.

*(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 110/BC-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh).*

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Cục Thống kê tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng Ng.c, CBTH
- Lưu: VT, TH (T367).



**Phạm Trường Thọ**

**CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017**  
**TỈNH QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Báo cáo số 13/BC-UBND ngày 05/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2016	Năm 2017		So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước TH 6 tháng 2017/ TH 6 tháng 2016	Ước TH 6 tháng 2017/KH 2017	
<b>A</b>	<b>CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU</b>							
<b>I.</b>	<b>Các chỉ tiêu tổng hợp</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn (theo giá so sánh 2010)</b>	Tỷ đồng		44.653,9		101,25		
	Trg đó: GRDP không tính SP Lọc hóa dầu	"		29.953,4				
	- Công nghiệp và xây dựng	"		23.310,9		96,57		
	Trg đó: + GRDP ngành công nghiệp	"		20.960,8		96,09		
	Trong đó: * GRDP CN riêng SP lọc hóa dầu	"		14.700,6				
	* GRDP CN không tính SP lọc hóa dầu	"		6.260,2				
	+ GRDP ngành xây dựng	"		2.350,1				
	- Dịch vụ	"		13.551,3		107,39		
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"		7.791,7		104,47		
<b>2</b>	<b>Giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010)</b>	Tỷ đồng	72.387,9	142.739,8	69.142,6	95,5	48,4	
	- Công nghiệp, xây dựng	Tỷ đồng	57.044,8	108.597,3	52.629,1	92,3	48,5	
	Trong đó: + Công nghiệp	"	53.872,4	99.442,2	49.355,6	91,6	49,6	
	Trong đó: * CN riêng SP lọc hóa dầu	"	44.475,1	77.290,0	38.909,8	87,5	50,3	
	* CN không tính SP lọc hóa dầu	"	9.397,3	22.152,2	10.445,7	111,2	47,2	
	+ Xây dựng	"	3.172,5	9.155,1	3.273,5	103,2	35,8	
	- Dịch vụ	"	8.758,3	20.331,5	9.660,4	110,3	47,5	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	6.584,7	13.811,0	6.853,1	104,1	49,6	
	Trong đó: + Nông nghiệp	Tỷ đồng	3.840,4	8.354,5	3.923,0	102,2	47,0	
	Trong đó: Trồng trọt	"	2.143,6	4.677,7	2.287,3	106,7	48,9	
	Chăn nuôi	"	1.530,8	3.265,8	1.463,4	95,6	44,8	
	+ Lâm nghiệp	"	386,1	813,7	409,4	106,0	50,3	
	+ Thủy sản	"	2.358,2	4.642,8	2.520,7	106,9	54,3	
<b>3</b>	<b>Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn</b>	Tỷ đồng	8.244,7	21.000	8.920,8	108,2	42,5	
	Trong đó: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Triệu USD	30,6	70	30	98,0	42,9	
<b>4</b>	<b>Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn</b>	Tỷ đồng	9.143,1	12.796,3	7.985	87,3	62,4	
a)	<b>Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn</b>	Tỷ đồng	9.134,6	12.095	7.985	87,4	66,0	



TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2016	Năm 2017		So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước TH 6 tháng 2017/ TH 6 tháng 2016	Ước TH 6 tháng 2017/KH 2017	
	<i>Trong đó:</i> - Thu nội địa	"	8.782,3	11.475	7.585	86,4	66,1	
	<i>Trong đó:</i> * Thu từ NM lọc dầu	"	6.265,6	6.595	5.260	84,0	79,8	
	* Các khoản thu còn lại	"	2.516,6	4.880	2.325	92,4	47,6	
	- Thu thuế xuất, nhập khẩu	"	352,3	620	400	113,5	64,5	
b)	<b>Thu vay</b>	Tỷ đồng		<b>651,3</b>				
	- Vay để bù đắp bội chi	"		371,3				
	- Vay để trả nợ gốc	"		280				
c)	<b>Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước</b>	"	<b>8,5</b>	<b>50</b>		-	-	
5	<b>Tổng chi ngân sách địa phương</b>	Tỷ đồng	<b>2.988,15</b>	<b>11.569,40</b>	<b>4.166,40</b>	139,4	36,0	
a)	<b>Chi cân đối ngân sách địa phương</b>	Tỷ đồng	<b>2.952,51</b>	<b>11.237,40</b>	<b>4.156,40</b>	140,8	37,0	
*	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	Tỷ đồng	<b>1.730,45</b>	<b>3.559,38</b>	<b>1.151,88</b>	66,6	32,4	
	- Vốn cân đối NS địa phương	"	508,99	1.565,33	775,64	152,4	49,6	
	- Hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách TW	"	250,77	782,75	261,68	104,4	33,4	
	- Vốn thu từ nguồn sử dụng đất	"	80,51	550	98,31	122,1	17,9	
	- Bổ sung các quỹ ngoài ngân sách	"		10				
	- Chi đầu tư từ nguồn bội chi	"		371				
	- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	"	14,2	80	16,3			
*	<b>Chi thường xuyên</b>	Tỷ đồng	<b>3.071,4</b>	<b>7.472,9</b>	<b>3.004,5</b>	97,8	40,2	
	- Chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo	"	1.106,01	2.752,3	1.128,2	102,0	41,0	
	- Chi cho sự nghiệp y tế	"	248,6	904,5	220,7	88,8	24,4	
	- Chi cho sự nghiệp khoa học công nghệ	"	8,1	34,1	7,8	96,2	22,9	
	- Chi cho quản lý hành chính nhà nước	"	749,6	1.433,8	703,5	93,9	49,1	
	- Các khoản chi còn lại		959,2	2.348,2	944,3			
b)	<b>Chi trả nợ gốc và lãi vay</b>			<b>282</b>				
c)	<b>Chi từ các khoản thu để lại qua ngân sách nhà nước</b>	"	<b>8,5</b>	<b>50</b>	<b>10</b>	118	20	
II.	<b>Các ngành và lĩnh vực kinh tế</b>							
1	<b>Công nghiệp</b>							
	- Thủy sản chế biến	Tấn	4.631	10.500	5.117	110,5	48,7	
	- Đường RS (trên địa bàn tỉnh)	Tấn	15.482	17.000	11.310	73,1	66,5	
	- Bánh kẹo các loại	Tấn	6.403	14.600	6.771	105,7	46,4	
	- Sữa các loại (trên địa bàn tỉnh)	1000 lít	54.062	110.000	48.368	89,5	44,0	
	- Bia	1000 lít	91.500	177.000	87.184	95,3	49,3	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2016	Năm 2017		So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước TH 6 tháng 2017/ TH 6 tháng 2016	Ước TH 6 tháng 2017/KH 2017	
	- Nước khoáng và nước tinh khiết	1000 lít	35.987	75.000	35.835	99,6	47,8	
	- Lọc hóa dầu	Triệu tấn	3,395	5,9	2,97	87,5	50,3	
	- Phân bón hóa học	Tấn	20.004	38.500	21.416	107,1	55,6	
	- Gạch xây các loại	1000 viên	197.655	450.000	212.040	107,3	47,1	
	- Đá khai thác các loại	1000m <sup>3</sup>	618,4	1.550	637,7	103,1	41,1	
	- Tinh bột mỳ (trên địa bàn tỉnh)	Tấn	30.493	72.000	25.781	84,5	35,8	
	- Quần áo may sẵn	1000 chiếc	5.775	14.500	6.215	107,6	42,9	
	- Điện sản xuất	Triệu kw/h	132,8	600	321,2	241,9	53,5	
	- Điện thương phẩm	Triệu kw/h	422,7	1.000	459,1	108,6	45,9	
	- Nước máy	1000m <sup>3</sup>	5.796	13.000	5.971	103,0	45,9	
	- Dăm bột giấy	Tấn	295.602	620.000	309.954	104,9	50,0	
	- Tai nghe	Nghìn cái	18.400	40.000	19.500	106,0	48,8	
	- Cuộn cảm	Nghìn cái		128.940	64.000		49,6	
	- Giày da các loại	Nghìn cái	3.260	10.000	6.000	184,0	60,0	
	- .....							
<b>2</b>	<b>Thương mại dịch vụ</b>							
a)	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ (giá hiện)	Tỷ đồng	20.205,2	45.903	22.695,4	112,3	49,4	
b)	Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	180,5	345	218,9	121,3	63,4	
	- Kim ngạch XK các mặt hàng chủ yếu							
	+ Thủy sản	"	6,1	13	8,5	139,0	65,6	
	+ Tinh bột mỳ	"	29,4	75	40,1	136,5	53,5	
	+ Đồ gỗ	"	1,2	4	2,5	198,2	61,4	
	+ Dăm gỗ nguyên liệu giấy	"	61,2	110	57,9	94,6	52,6	
	+ May mặc	"	18,1	25	10,7	58,9	42,7	
	+ Hàng thực phẩm chế biến	"	1,4	4	3,4	251,6	86,1	
	+ Sản phẩm cơ khí	"	23,4	40	37,7	161,2	94,2	
	+ Dầu FO	"	12,3	25	25,2	204,8	100,8	
	+ Sợi, sợi dệt các loại	"	18,0	35	21,5	119,4	61,6	
	+ Điện tử các loại và linh kiện	"	7,5	12	4,6	62,1	38,7	
	.....							
c)	Kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	108,5	290	236,9	218,3	81,7	
	- Kim ngạch NK các mặt hàng chủ yếu							

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2016	Năm 2017		So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước TH 6 tháng 2017/ TH 6 tháng 2016	Ước TH 6 tháng 2017/KH 2017	
	+ Máy móc, phụ tùng thay thế	"	12,5	45	20,0	159,7	44,4	
	+ Sắt thép	"	13,2	30	3,8	28,8	12,7	
	+ Dầu thô	"	41,9	122	181,9	434,6	149,1	
	+ Vải và nguyên phụ liệu may mặc	"	20,1	26	16,2	80,7	62,4	
	+ Bông các loại	"	10,7	25	10,0	93,6	40,0	
	.....							
<b>3</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>							
a)	<b>Nông nghiệp</b>							
	- Sản lượng lương thực cây có hạt	Tấn	235.814	490.817	254.873,6	108,1	51,9	
	Trong đó: + Thóc	Tấn	209.357	432.328	228.150,2	109,0	52,8	
	+ Ngô	Tấn	26.457	58.489	26.723,4	101,0	45,7	
	- Một số cây trồng chủ yếu							
	+ Lúa: Diện tích	Ha	39.090,2	75.463	38.872,1	99,4	51,5	
	Năng suất	Tạ/ha	53,6	57,3	58,7	109,6	102,4	
	Sản lượng	Tấn	209.357,0	432.327,8	228.150,2	109,0	52,8	
	+ Ngô: Diện tích	Ha	4.635,4	10.366,6	4.677,6	100,9	45,1	
	Năng suất	Tạ/ha	57,1	56,4	57,1	100,1	101,3	
	Sản lượng	Tấn	26.457,0	58.488,7	26.723,4	101,0	45,7	
	+ Sắn: Diện tích	Ha	18.700	19.500	19.318	103,3	99,1	
	Năng suất	Tạ/ha	171	192	195	114,4	101,6	
	Sản lượng	Tấn	318.835	374.400	376.701	118,1	100,6	
	+ Mía cây: Diện tích	Ha	3.139	3.841	2.613	83,2	68,0	
	Năng suất	Tạ/ha	543,1	575,0	533,9	98,3	92,8	
	Sản lượng	Tấn	170.468	220.857,5	139.500	81,8	63,2	
	+ Lạc: Diện tích	Ha	3.992,4	5.997	4.087,6	102,4	68,2	
	Năng suất	Tạ/ha	22,7	22,1	21,5	94,6	97,3	
	Sản lượng	Tấn	9.078,0	13.260,6	8.790,4	96,8	66,3	
	+ Đậu: Diện tích	Ha	1.706,7	3.541	1.650,7	96,7	46,6	
	Năng suất	Tạ/ha	20,1	19,5	20,2	100,5	103,7	
	Sản lượng	Tấn	3.439	6.915	3.342	97,2	48,3	
	+ Rau: Diện tích	Ha	6.146	13.326	6.319,7	102,8	47,4	
	Năng suất	Tạ/ha	155,4	154,4	158,8	102,2	102,8	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2016	Năm 2017		So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước TH 6 tháng 2017/ TH 6 tháng 2016	Ước TH 6 tháng 2017/KH 2017	
	Sản lượng	Tấn	95.481	205.770,6	100.325,8	105,1	48,8	
	.....							
	- Đàn gia súc:							
	+ Đàn trâu	Con	66.921	69.000	68.551	102,4	99,3	
	+ Đàn bò	Con	280.565	278.000	277.521	98,9	99,8	
	Tỷ trọng bò lai	%	60	66,5	63			
	+ Đàn heo	Con	456.545	450.000	422.067	92,4	93,8	
	+ Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	41.242,3	78.500	40.387,3	97,9	51,4	
<b>b)</b>	<b>Lâm nghiệp</b>							
	- Tổng diện tích rừng hiện có	Ha	310.156	312.842	344.882	111,2	110,2	
	Trong đó: + Rừng tự nhiên	"	109.533	109.642	113.364	103,5	103,4	
	+ Rừng trồng	"	200.514	203.200	231.518	115,5	113,9	
	* Diện tích rừng trong Quy hoạch 03 loại rừng	Ha	258.729	264.089	255.803	98,9	96,9	
	Trong đó: + Rừng phòng hộ	"	114.663	115.350	114.248	99,6	99,0	
	+ Rừng sản xuất	"	144.065	148.739	141.554	98,3	95,2	
	- Quản lý bảo vệ rừng	Ha	129.178	129.503	127.246	98,5	98,3	
	- Khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha	1.100	3.232	3.384	307,6	104,7	
	- Trồng mới rừng tập trung	Ha	3.710	12.771	3.975	107,1	31,1	
	Trong đó: + Trồng rừng phòng hộ và đặc dụng	"	-	646	-	-	-	
	+ Trồng rừng sản xuất	"	3.710	12.125	3.975	107,1	32,8	
	- Gỗ rừng trồng khai thác (gỗ tròn)	m <sup>3</sup>	385.630	864.394	317.784	82,4	36,8	
<b>c)</b>	<b>Thủy sản</b>	Tấn	82.600	191.037	85.233	103,2	44,6	
	- Sản lượng thủy sản đánh bắt	Tấn	80.049	184.387	83.036	103,7	45,0	
	- Sản lượng thủy sản nuôi trồng	Tấn	2.551	6.650	2.197	86,1	33,0	
	Trong đó: Tôm nuôi	Tấn	1.613	4.500	1.539	95,4	34,2	
	- Diện tích nuôi trồng	Ha	1.381	1.422	1.376,6	99,7	96,8	
	Trong đó: Tôm nuôi	Ha	511,5	436	505,1	98,7	115,8	
<b>d)</b>	<b>Muối:</b>							
	- Diện tích	Ha	135	116	100	74,1	86,2	
	- Sản lượng	Tấn	2.000	7.000	1.000	50,0	14,3	
<b>đ)</b>	<b>Thủy lợi</b>							
	- Tổng diện tích được tưới	Ha	42.780	79.994	39.997	93,5	50,0	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2016	Năm 2017		So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước TH 6 tháng 2017/ TH 6 tháng 2016	Ước TH 6 tháng 2017/KH 2017	
	<i>Trong đó:</i> Tươi bằng công trình kiên cố	"	37.989	79.994	39.997	105,3	50,0	
e)	<b>Xây dựng nông thôn mới</b>							
	- Số tiêu chí nông thôn mới bình quân/xã	Tiêu chí	9,4	12	11,4	121,3	95,0	
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	11	18	13	118,2	72,2	
	- Lũy kế số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã		42	24		57,1	
	- Tỷ lệ lũy kế số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	6,71	18,29	14,63			
4	<b>Chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể</b>							
a)	<b>Phát triển doanh nghiệp</b>							
	- Số DN trong nước đăng ký thành lập mới	D.nghiệp	284		321	113,03		
	- Lũy kế tổng số DN trong nước được thành lập	"	5.744		6.426	111,87		
	- Tổng số DN trong nước đang hoạt động	"	3.986		4.139	103,84		
	<i>Trong đó:</i>							
	+ Doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động	"	6		6	100		
	<i>Trong đó:</i> Doanh nghiệp vừa và nhỏ	"	4		4	100		
	+ Doanh nghiệp dân doanh đang hoạt động	"	3.980		4.133	104		
	<i>Trong đó:</i> Doanh nghiệp vừa và nhỏ	"	3.861		4.009	104		
c)	<b>Hợp tác xã</b>							
	- Tổng số hợp tác xã	HTX	238	225	227	95	101	
	<i>Trong đó:</i> Thành lập mới	"	5	8	1	20	13	
	- Tổng số xã viên hợp tác xã	người	348.207	303.400	319.815	92	105	
	<i>Trong đó:</i> Xã viên mới	"	361	100	30	8	30	
	- Tổng số lao động trong hợp tác xã	"	2.606	1.921	2.001	77	104	
5	<b>Quản lý đầu tư trong nước và nước ngoài (FDI)</b>							
a)	<b>Đầu tư trong nước</b>							
	- Số dự án cấp phép mới trong năm	Dự án	13		19	146		
	- Tổng vốn đầu tư đăng ký mới	Tỷ đồng	805,0		62.566,9	7.772		
	- Số dự án bị thu hồi trong năm	Dự án	3		8	267		
	<i>Trong đó:</i> Số dự án đã đi vào hoạt động bị thu hồi	Dự án	-		1			
	- Tổng vốn đăng ký của doanh nghiệp bị thu hồi trong năm	Tỷ đồng	1.441,0		1.091,7	76		
	- Tổng vốn điều chỉnh tăng trong năm	Tỷ đồng			67			
	- Tổng vốn điều chỉnh giảm trong năm	Tỷ đồng			31			
	- Số dự án đi vào hoạt động trong năm	Dự án	7		5	71		

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2016	Năm 2017		So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước TH 6 tháng 2017/ TH 6 tháng 2016	Ước TH 6 tháng 2017/KH 2017	
	- Lũy kế các dự án đã đi vào hoạt động	Dự án	210		222	106		
	- Tổng vốn các dự án thực hiện trong năm	Tỷ đồng	1.654		796	48		
	- Lũy kế tổng vốn của các dự án đã thực hiện	Tỷ đồng	88.984		91.524	103		
	- Lũy kế các dự án còn hiệu lực	Dự án	313		347	111		
	- Lũy kế tổng vốn đăng ký còn hiệu lực	Tỷ đồng	152.603		216.325,5	142		
<b>h)</b>	<b>Đầu tư nước ngoài (FDI)</b>							
	- Số dự án cấp phép mới trong năm	Dự án	4		2	50		
	- Tổng vốn đầu tư đăng ký mới	Triệu USD	20		100	493		
	- Số dự án bị thu hồi trong năm	Dự án			1			
	<i>Trong đó:</i> Số dự án đã đi vào hoạt động bị thu hồi	Dự án						
	- Tổng vốn đăng ký của doanh nghiệp bị thu hồi trong năm	Triệu USD			30			
	- Tổng vốn điều chỉnh tăng trong năm	Triệu USD			57			
	- Tổng vốn điều chỉnh giảm trong năm	Triệu USD			-			
	- Số dự án đi vào hoạt động trong năm	Dự án	2		2	100,0		
	- Lũy kế các dự án đã đi vào hoạt động	Dự án	23		26	113,0		
	- Tổng vốn các dự án thực hiện trong năm	Triệu USD	30,6		20	65,4		
	- Lũy kế tổng vốn của các dự án đã thực hiện	Triệu USD	620,1		689	111,1		
	- Lũy kế các dự án còn hiệu lực	Dự án	49		42	85,7		
	- Lũy kế tổng vốn đăng ký còn hiệu lực	Triệu USD	4.123		1.235,4	30,0		
<b>B</b>	<b>VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>							
<b>I</b>	<b>Giáo dục - đào tạo</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng số học sinh đầu năm học</b>							
<b>a)</b>	<b>Giáo dục mầm non</b>	Cháu	<b>51.150</b>	<b>54.343</b>	<b>54.343</b>	106,2	100,0	
<b>b)</b>	<b>Giáo dục phổ thông</b>	Học sinh	<b>210.372</b>	<b>213.160</b>	<b>213.160</b>	101,3	100,0	
	- Tiểu học	"	101.230	99.410	99.410	98,2	100,0	
	- Trung học cơ sở	"	72.103	75.539	75.539	104,8	100,0	
	- Trung học phổ thông	"	37.039	38.211	38.211	103,2	100,0	
<b>c)</b>	<b>Giáo dục thường xuyên</b>	Học sinh	<b>2.048</b>	<b>1.882</b>	<b>1.882</b>	91,9	100,0	
<b>d)</b>	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>	"	<b>3.720</b>	<b>2.600</b>	<b>2.600</b>	69,9	100,0	
	- Trung học chuyên nghiệp	Học sinh	1.470	800	800	54,4	100,0	
	- Cao đẳng	"	1.200	1.000	1.000	83,3	100,0	
	- Đại học	"	1.050	800	800	76,2	100,0	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2016	Năm 2017		So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước TH 6 tháng 2017/ TH 6 tháng 2016	Ước TH 6 tháng 2017/KH 2017	
2	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo		75	78	78	104,0	100,0	
3	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:							
	- Tiểu học	%	98,5	99,5	99,5			
	- Trung học cơ sở	"	96,3	96,9	96,9	100,6	100,0	
	- Trung học phổ thông	"	75,5	75,0	75,0	99,3	100,0	
4	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi							
	- Số xã đạt chuẩn	Xã	181	184	184	101,7	100,0	
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn	%	98,4	100	100	101,7	100,0	
5	Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi							
	- Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn	Xã	184	184	184	100,0	100,0	
	- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn	%	100	100	100			
	- Số huyện, thành phố đạt chuẩn	Huyện	14	14	14	100,0	100,0	
	- Tỷ lệ huyện, thành phố đạt chuẩn	%	100	100	100			
6	Phổ cập giáo dục trung học cơ sở							
	- Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn	Xã	184	184	183	99,5	99,5	
	- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn	%	100	100	99			
	- Số huyện, thành phố đạt chuẩn	Huyện	14	14	14	100,0	100,0	
	- Tỷ lệ huyện, thành phố đạt chuẩn	%	100	100	100	100,0	100,0	
7	Số trường đạt chuẩn Quốc gia	Trường	319	337	331	103,8	98,2	
	- Mầm non	"	52	60	63	121,2	105,0	208 trường
	- Tiểu học	"	143	147	143	100,0	97,3	217 trường
	- Trung học cơ sở	"	106	111	106	100,0	95,5	168 trường
	- Trung học phổ thông	"	18	19	19	105,6	100,0	39 trường
8	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia							
	- Mầm non	%	25,0	28,8	30,3			
	- Tiểu học	%	65,9	67,7	65,9			
	- Trung học cơ sở	%	59,5	66,1	63,1			
	- Trung học phổ thông	%	46,2	48,7	48,7			
II	Y tế							
1	Dân số trung bình	1000 người	1.256,1	1.266,3	1.266,3	100,8	100,0	
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%o	8,5	8,7	8,6			
3	Tỷ lệ giảm sinh	%o	0,2	0,2	0,2			

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2016	Năm 2017		So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước TH 6 tháng 2017/ TH 6 tháng 2016	Ước TH 6 tháng 2017/KH 2017	
4	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai / 100 bé gái)	%	111	110	110			
5	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	74	74	74	100,0	100,0	
6	Tổng số giường bệnh	Giường	3.105	3.195,0	3.195,0	102,9	100,0	
7	Số giường bệnh/vận dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	24,7	25,2	25,2	102,1	100,0	
8	Số bác sĩ/1 vận dân	Người	5,7	6,3	6,1	105,7	97,1	
9	Số xã, phường, thị trấn có trạm y tế	Xã, Ph	183	183	183	100,0	100,0	
10	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có trạm y tế	%	99,5	99,5	99,5			
11	Số trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ hoạt động	Trạm	183	183	183	100,0	100,0	
12	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ hoạt động	%	100	100	100			
13	Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế	Xã, Ph	136,2	147	146	107,2	99,3	
14	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế	%	74	79,9	79,3			
15	Tỷ lệ trẻ em tử vong dưới 5 tuổi	%	15	14,5	14,5			
16	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	15	14,6	14,6			
17	Tỷ lệ người tham gia đóng bảo hiểm y tế toàn dân	%	80	86,8	85,6			
<b>III Lao động, việc làm, giảm nghèo</b>								
1	Tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế	1000 người	779	796	796	102,2	100,0	
	<i>Trong đó:</i> Số lao động được tạo việc làm mới	"	18,9	39,5	19,3	102,1	48,9	
	<i>Trong đó:</i> Lao động nữ	"	9,5	20	11,3	119,6	56,5	
2	Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế	%	100	100	100			
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	45	43	43			
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	29	30	30			
	- Dịch vụ	%	26	27	27			
3	Số lao động làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	4.550	4.700	4.700	103,3	100,0	
	<i>Trong đó:</i> Số lao động đưa đi mới trong năm	Người	550	1.700	610	110,9	35,9	
4	Tỷ lệ lao động thất nghiệp	%						
	<i>Trong đó:</i> - Thành thị	%	3,7	3,7	3,7			
	- Thời gian sử dụng lao động ở nông thôn	%	85	85	85			
5	Tổng số học sinh đang học nghề có đến 31/12 hàng năm	H.sinh	16.918	24.130	17.275	102,1	71,6	
	<i>Trong đó:</i> - Cao đẳng	"	3.362	4.180	3.152	93,8	75,4	
	- Trung cấp	"	6.356	7.450	5.423	85,3	72,8	
	- Sơ cấp	"	7.200	12.500	8.700	120,8	69,6	
6	Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề so với tổng số lao động	%	46	49	48			



TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2016	Năm 2017		So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước TH 6 tháng 2017/ TH 6 tháng 2016	Ước TH 6 tháng 2017/KH 2017	
	<i>Trong đó:</i> Lao động nữ	%	36	38	37			
7	Tổng số hộ	Hộ		347.120				Chưa tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo năm 2017
8	Số hộ nghèo	"		39.137				
	<i>Trong đó:</i> Khu vực miền núi	"		22.729				
9	Số hộ nghèo giảm trong năm	"		6.100				
	<i>Trong đó:</i> Khu vực miền núi	"		2.755				
10	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới Quốc gia	%		11,3				
	<i>Trong đó:</i> Tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi	%		36,7				
11	Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được chăm sóc, bảo vệ	Cháu	11.000	12.973	11.027	100,2	85,0	
12	Tỷ lệ phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng số lao động toàn tỉnh	%	13,2	20	14,2	107,6	71,0	
<b>IV Văn hóa, thông tin và truyền thông</b>								
1	Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa							
	- Gia đình văn hoá	%		84				Cuối năm
	- Thôn, khối phố văn hoá	%		84				
	- Cơ quan, đơn vị, trường học văn hoá	%		88				
2	Số xã, phường, thị trấn có điểm bưu điện văn hoá	điểm	155	155	155,0	100,0	100,0	
3	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có điểm bưu điện văn hoá	%	92,8	92,8	93,3	100,5	100,5	
4	Số xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa	Xã		81				Cuối năm
5	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa	%		44				
6	Số thuê bao điện thoại		1.135.000	1.173.000	979.163	86,3	83,5	
	<i>Trong đó:</i> - Cố định	thuê bao	45.000	43.000	29.946	66,5	69,6	
	- Di động	"	1.090.000	1.130.000	949.217	87,1	84,0	
7	Số thuê bao internet	"	728.000	850.000	45.000	6,2	5,3	Từ năm 2017 và những năm tiếp theo không còn dùng cách quy đổi
8	Số xã có điểm cung cấp dịch vụ Internet công cộng phục vụ nhân dân (không tính đại lý Internet)	xã	70	80	80	114,3	100,0	
9	Thời lượng phát thanh	Giờ	10.676	21.351	10.676	100,0	50,0	
	<i>Trong đó:</i> Chương trình PTQ	"	2.373	4.745	2.373	100,0	50,0	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU (Biểu TH toàn tỉnh)	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2016	Năm 2017		So sánh (%)		Ghi chú
				Kế hoạch tỉnh giao	Ước thực hiện 6 tháng	Ước TH 6 tháng 2017/ TH 6 tháng 2016	Ước TH 6 tháng 2017/KH 2017	
	<i>Trong đó:</i> Tiếng dân tộc ít người	"	156	312	156	100,0	50,0	
10	Thời lượng phát hình	Giờ	16.516	33.032	16.516	100,0	50,0	
	<i>Trong đó:</i> Chương trình PTQ	"	3.376	6.752	3.376	100,0	50,0	
	<i>Trong đó:</i> + Tiếng Việt	"	3.270	6.539	3.270	100,0	50,0	
	+ Tiếng dân tộc ít người	"	81	161	81	100,0	50,3	
	+ Tiếng nước ngoài	"	26	52	26	100,0	50,0	
11	Tỷ lệ hộ được xem đài truyền hình	%		99				
V	<b>Môi trường và chỉ tiêu xã hội khác</b>							
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	51,1	51,1	49,1			
2	Tỷ lệ chất thải nguy hại (rắn, lỏng) được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia	%	40	45	45			
4	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn ở KCN, KKT và đô thị	%	75	80	80			
5	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn ở nông thôn	%	44	48	48			
6	Số Khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Khu CN	2	3	3	150	100	
7	Tỷ lệ xử lý nước thải trong các khu CN, khu KT	%	66	66	66			
8	Tỷ lệ xử lý chất thải y tế	%	78	80	78			
9	Tỷ lệ cây xanh đô thị (TP.Q.Ngãi và các thị trấn)	%	70	70	70			
10	Tỷ lệ hộ dân cư đô thị dùng nước sạch	%	87	87	87			
11	Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn dùng nước hợp vệ sinh	%	85	88	86,5			
12	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%		98,7				Cuối năm
13	Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh	%	17,1	19,2	17,6			